

CUỘC TIẾP SỬ THANH NĂM 1683 *

• HOÀNG XUÂN HẪN

TỪ NGÀY 17 ĐẾN NGÀY 21
Việc thu-tặng và các việc linh-tinh

Sau ngày 16 tháng 10, hai sứ-bộ đã làm xong nhiệm-vụ. Những ngày còn ở lại Công-quan là để soạn-sửa hồi-trình và trao đổi qua tặng. Kí-sự chép:

" Ngày 17, Quốc-vương nước ấy sai Nguyễn Công Vọng và Vũ Duy-Hai tới (Công-quan) tạ ơn.

Vào ngày 17 này, Lược-biên chỉ chép việc soạn-sửa đi về. Có lời rằng:

(' Ngày 17, Khâm-sứ có phúc-giản nói: ((Đại-lễ xong rồi
(' Ngày 25 tháng này sẽ hội triều phục-mệnh. Vậy nhờ lệnh
(' chuyển cho các viên quan nhà-môn chiếu lệ ma thi-hạnh))
(' Cũng ngày ấy, Khâm-sứ gửi cai bai phục-mệnh cho phủ Tu-
(' minh, báo quan lại phủ này chiếu theo lệ cũ soạn sửa phủ
(' ngựa, để trước ngày mồng 3 tháng 11 sẽ đều đến đợi ở cửa
(' Nam-quan.

(' Triều-đường cấp lệnh-chỉ cho các viên thông-sự, l-
(' uọng-y và trung-thư theo giúp các quan văn võ sẽ đi đưa
(' các sứ lên cửa Nam-quan. Bộ đưa sứ sách-phong gồm Thiều
(' quận-công Trịnh Thực và lễ-bộ đô-cấp-sự-trung Nguyễn
(' Trạc-Dụng. Bộ đưa sứ dụ-tế gồm Hoàng quận-công Trần L
(' ương-Quý và binh-bộ đô-cấp-sự-trung Nguyễn Công-Who. Mọi
(' quan có ba viên giúp việc thông-ngôn, chữa bệnh, thư-kí.

(' Ngày ấy truyền cho các quan lưu-thủ hai trấn Lạng-
(' son và Kinh-bắc lệnh rằng: ((Kì này hai bộ triều-sự sang
(' sách-phong và tự-tuất đã làm xong việc. Đã nói rằng sẽ
(' lên đường về ngày 25 tháng này. Lệ có sự tiến-tống. Vậy
(' phải chăm thôi-thục dân phu trong địa-hạt, chỉnh-bị ngựa
(' cho đủ số y như ngày trước tiếp đón))

(' Lại truyền cho quan trấn hai xứ ấy rằng: ((Kì này,
(' sẽ có 6 người thông-sự, lọng-y và trung-thư đi theo các
(' quan phụng-sai tiến-tống các sứ đến cửa Nam-quan. Chuẩn
(' cấp cho mỗi viên 3 phu gánh hành-lí))

VIỆC ĐÒI ẤN CŨ VÀ VIỆC XIN TẾ CHÚA TRỊNH TẠC

Hôm làm lễ sách-phong, Bắc-sứ theo lời bộ Lễ dặn dò i lại ấn An-nam quốc-vương cũ sau khi ban ấn mới. Vua Lê hẹn sẽ trả sau, nhưng thật y không muốn trả. Kỉ-sự chép nổi:

' Ngày 18 (tháng 10) Nguyễn Công-Vọng và Lê Hi tới bẩm
' rằng: ((Quốc-vương chung, tôi sai chung tôi thừa cùng bả
' vị việc này: quan Phụ-chính chung tôi họ Trịnh đã mất, ma
' thần-chủ còn tại nhà (41). Nếu được các Ngai xét và bằng
' lòng tới làm lễ tế cho, thì không những bên Phủ Trịnh kẻ
' còn, người mất đều được nhuần ơn, mà Quốc-vương chung tôi
' cũng được về-vang nữa))
' Chung tôi dụ rằng: ((Họ Trịnh đã có công phụ-chính,
' thì có tới tế nữa cũng chẳng hề chi. Các người hay chọn
' ngay rồi tới bẩm))

Lược-biên không chép sự gì vào ngày 18 cả. Trái lại, vào ngày hôm sau, sách ấy chép vai việc ma không thấy trong tập kia vào ngày ấy: việc mời các sư lưu lại chơi ít ngày và bức thư nhờ Khâm-sư chuyển về bộ Lễ lời xin giữ ấn cũ.

' Ngày 19, Hoàng-thượng có thư gửi sứ rằng: ((Ân - cần
' mời các sư ở lại chơi ít lâu, để may gì được rộng thì giờ
' thết-dãi, yến nhạc, cho bỏ chút đỉnh lòng sốt - sáng của
' các sư)) -- Khâm-sư gửi thư trả lời: ((Phải về gấp không thể
' ở lại lâu))

' Cũng ngày hôm ấy, Hoàng-thượng có bức thư sau gửi
' cho Khâm-sư, nói rằng: ((Tiên-vương đã làm bề tôi thờ Th
' iên-triều, giữ một long trung-trình, đã có nhiều công bất
' giặc hiến nộp. Sự ấy đã ghi trong lòng Hoàng-đế, nên đã
' được về-vang ban ấn-tước Vương. Đó là sự làm vinh khi
' còn sống. Đến khi Hoàng-đế được tin cáo-pho, lại ban lễ
' tư-tuất. Đó là làm vinh sau khi mất. Nay tiếp lợi tư của
' quý-bộ báo phải trả ấn cũ. Không ngờ khi sống thì cho, khi
' chết thì đòi lại. Như vậy thì làm thế nào cho thoả chút
' lòng trung-nghĩa còn để lại? Và chẳng, tra-cứu cựu-diện
' thì không thấy có lệ phải trả ấn cũ khi được ban ấn mới.
' Vậy xin nhờ Đại-nhận chuyển lời Bản-chức lên bộ, để được
' chước việc phải trả ấn cũ))

(41) Theo sách Trịnh-gia thế-phổ viết bởi viên quyền-thủ họ Trịnh năm đầu đời Gia-long (1802), thì Trịnh Tạc mất ngày 23 tháng 8 năm Nhâm-tuất 1682. Đến bây giờ mới có 14 tháng, vậy chưa hết tang. Có lẽ vì vậy, thần-chủ còn để ở nhà chưa đưa vào thờ tại Thai-miếu. Về ngày Trịnh Tạc mất, sách Đại Việt Sử-kí Tục-biên chép ngày Mậu-tuất là sai, vì tháng 8 không có ngày ấy. Phải chưa ra Nhâm-tuất mới dung ngày 23 tháng 8. Trong một văn-kiện của hội Truyền-giao tại Paris (Văn-khố ME cuốn 665 trg 2/3) có chép: Ngày 20 tháng 9 dương-lịch, Chùa lên cơn sốt nặng; bệnh tăng cường rất chóng, cho nên ngày 23 Chùa mất. Chép thế chắc lầm tháng âm-lịch ra dương-lịch, vì ngày kì Trịnh Tạc chắc-chắn là ngày 23 tháng 8 như con thấy

Trong khi các sứ-bộ ở Công-quán, hình như không những các sứ không tự-tiện sang sông, mà cả những kẻ tuy tung cung không được tự-do sang phố mua bán ở Thăng-long, và chỉ được sắm-sửa vật-dụng ở Lạng-sơn khi trở về qua đó. Lược-biên có ghi rằng:

(' Ngày 19 tháng 10, quan Lưu-thủ Lạng-sơn yết-thị cho (' mở các phố kê sau, để bán các vật: Hàng thôn (42), Hàng vải trắng, Hàng lụa, Hàng dao, Hàng quạt, Hàng lạnh, Hàng g (' -uộm, Hàng yoc, Hàng giấy, Hàng bút, Hàng mực, Hàng dù (' Hàng mâm và Hàng hoa quả.

TRAO ĐỔI QUÀ TẶNG

Kỉ-sự chép nối:

" Ngày 20, bọn Nguyễn Công-Vọng bẩm rằng: ((Các Ngại " đã bằng lòng tể quan Phụ-chánh họ Trịnh, thì xin chọn ngày " 22 làm lễ)) Chung tôi bèn phát cho 30 lạng bạc; sai biện " tể-vật.

" Bọn Vọng lại bẩm rằng: ((Năm xưa các Đại-nhân đã đến " khi xong công-sự, Quốc-vương chung tôi và họ Trịnh đều đã " có vật huệ-tặng. Nay cũng xin làm như trước. Nếu được thì " sẽ vinh-hạnh cho chung tôi khôn xiết)) Rồi chung tuy biện " thổ-sản, sai quan đem tới.

Sự lạ ở chỗ này là Kỉ-sự không chép gì về lễ các Triều sứ sai người đem quà tặng mừng vua Lê và chúa Trịnh một cách trọng-thể vào ngày này. Trai lại Lược-biên ghi chép sự này rất tương-tận (43) :

(' Ngày 20 tháng 10, Khâm-sứ có thư giục trả lại ấn cũ (' để tiện việc đem về.

(' Ngày ấy, ba vị triều-sứ sai các viên tiền-lộ và gia (' nhân đem qua tiễn mừng Hoàng-thượng và Chúa.

(' Các quan-binh đàn bay từ cửa Tam-môn đến Nội-diện:

(' - Điện Kính-thiên và Nội-dình: các ti vệ-sĩ đứng hầu.

(' - Điện Thị-triều (sân?): bên tả có vệ-sĩ Tả-xa, đội Trạch (' tiên, cơ Thị-nội-tả, đội Tả-trung-kiên. Bên hữu có vệ-sĩ (' đội Nội-hữu-xa, đội Trạch-tiến, cơ Thị-nội-hậu, đội tiên (' trung-kiên.

(' - Sân Đoan-môn: bên tả có đội Nội-tả-xa, cơ Thị-trung-tả, (' đội Hữu-trung-kiên, dinh Tả-lí. Bên hữu có đội Nội-huuxa (' cơ Thị-trung-hữu, đội Hậu-trung-kiên, dinh Tả-lí.

(' - Sân điện Triều-nguyên: bên tả có cơ Thị-trung-tiền và (' dinh Tả-lí. Bên hữu có cơ Thị-trung-hậu và dinh Tả-lí.

(' - Cửa Tam-môn: đội Tả-xa và đội Hữu-xa.

chép trong Lê-triều Hội-diễn và trong Lịch triều Hiến chương (42) Thôn 村 là một thư vải (tự-vị Genibrel). Các tên phố kê trên đều viết bằng nôm 經, 紗, 綾, 刀, 楸, 令, 劍, 扇, 紙, 筆, 墨, 袖, 樓, 花果 (43) Thật ra Lược-biên chép lầm ra ngày 22, nhưng xét thời-thự thì phải chưa ra 20. Xét đoạn dưới đây thì thấy Nội diện trở diện Kính-thiên và Nội-dình trở sân Điện Kính-thiên.

(¹ Bên Phủ Chúa, dàn bày từ cửa Nanh vào Nội-phủ:

(¹ - Phủ-duơng-trung: bên tả có các đội Nhung-tả, Nhung-
(¹ tiền, Nội-nhất, Nội-nhị. Bên hữu có Nhung-hậu, Nhung-
(¹ hữu, Nội-trạch, Nội-nhung.

(¹ - Phủ-duơng-ngoại: bên tả có Kiệu-tả, Kiệu-tiền, Trạch-
(¹ tả. Bên hữu có Kiệu-hữu, Kiệu-hậu, Trạch-hữu.

(¹ - Sân Phủ-duơng-trung: bên tả có Kị-nhất, Kị-tả, Kị-tiền,
(¹ Kị-nội, Cán-mã, Nhất-mã, Hữu-trạch, Mã-hậu. Bên hữu có:
(¹ Kị-nhị, Kị-hữu, Kị-hậu, Mã-tả, Mã-tiền, Mã-hậu, Trạch-
(¹ ma-hữu.

(¹ - Sân Phủ-duơng-ngoại: bên tả có Trạch-tiền, Dục-tả, Dục-
(¹ tiền, Ưu-tiền, Nội-uy-hữu, Hậu-hội-mã, Tả và Hữu Kiên-
(¹ nghĩa, Trạch-hữu, Ưu-hậu, Ưu-tả, Ưu-hữu, Ưu-tiền. Bên hữu
(¹ có Trạch-hậu, Dục-hữu, Dục-hậu, Trạch-uy-hữu, Nội-uy-hữu,
(¹ Hậu-nội-mã, Tả và Hữu Thị-tiếp.

(¹ - Từ cửa Các đến cửa Nanh và bày ngang trên các đường cù
(¹ thì có các đội: Hữu-nhất, Tả-nhất, Tiền-nhất, Cự-uy, Kì-
(¹ nh-trung, Kính-tả, Kính-hữu, Kính-tiền, Kính-hậu.

(¹ Các quan văn võ đều mặc phàm-phục. Nhưng viên châu
(¹ thị chỉ dung áo mão bằng vải cát xanh. Trong Nội-diện,
(¹ các quan văn võ đều mặc phàm-phục tối châu. Trong Nội-
(¹ phủ, các quan Văn võ và các viên câu-kê, cai-hạp, thủ-
(¹ hạp đều dung mạo sa đen và áo vải đen ma châu.

(¹ - Nghinh-tiếp từ Công-quan Gia-quất đến bến Ái-mộ: quan
(¹ cai cơ Tiền-thắng la đô-dốc thiệm-tri Hộ quận-công, binh
(¹ các đội Thị-mã, Nội-mã, Trạch-mã. Ngựa có 21 con. 養馬公

(¹ - Đón qua sông: 3 chiếc thuyền hải-dạo của đội Thị-bồng.

(¹ - Nghinh-tiếp từ bờ sông đến Nội-diện: quan cai cơ Hậu-
(¹ khuông la tham-dốc Hà quận-công, quan tham-dồng Hình-
(¹ khoa-cấp-sự-trung Nguyễn Công-Thuộc, viên nội-sai phó tri
(¹ phiên Ti-lễ-giam thái-giam Giao-nghĩa hầu, với 5 ngựa a
(¹ đội Nội-kị. 河郡公, 阮公嫡

(¹ - Trong Nội-phủ: quan cai cơ Nội-hậu tham-dốc Hoàng quận
(¹ công, quan Hải-duơng-dạo giám-sát-ngự-sứ Lê Sĩ-Cân, quan
(¹ nội-sai Thượng-lộ hầu và 6 ngựa đội Lục-kị. 弘郡公, 黎仕僅

(¹ Sáng ngày (20 tháng 10), Giao-nghĩa hầu và Thượng lộ
(¹ hầu đem binh ngựa tiền vào Công-quan. Các Triều-sứ hội-
(¹ hợp tại quan chánh-sứ Minh Đỗ, sai 11 viên vua tiền-lộ
(¹ vua quân-gia và 23 người tuy-tụng mang đi 2 hom 2 thùng
(¹ giơ Thìn (7-9 giờ) từ quan đi ra. Tiến đến bến Ái-mộ ;
(¹ xuống thuyền qua sông. Đến bến Mọc lên bờ, chia lâm hai
(¹ bộ. Nhóm phụng-sai Hà quận-công tiếp một bộ gồm 5 tiền-
(¹ lộ và gia-nhân với 9 tuy-tụng mang 1 hom và 1 thùng, đi
(¹ đến cửa Tam-môn. Chuyển tâu vào. Hoàng-thượng ngự, ở điện
(¹ Thị-triều, sai-quan đưa phai-bộ vào lạy mưng và đưa thư,
(¹ kê các đồ tặng. Truyền thủ 1 cần nhân-sâm, con qu thì trả
(¹ lại. Rồi sai quan đưa các khách thưa-sai đến nha trực -
(¹ điểm để dãi yến. Xong rồi lại sắp-xếp tiền về như trước.
(¹ Nhóm phụng-sai Hoàng quận-công tiếp một bộ khác gồm
(¹ 5 tiền-lộ và gia-nhân với 14 tuy-tụng mang 1 hom và 1 th.

(' thùng đến của Nanh của Nội-phủ. Quan phụng-sai Thượng
(' lộc hầu tuân lệnh mời các sai-quan vào. Chưa truyền tha
(' lễ lạy. Sai-quan đưa thư kê khai các tặng-vật, nhiều hơn
(' đối với bên Nội-diện. Chưa truyền thu 1 cân nhập-sâm, 10
(' chiếc bát sứ. Con dư đều trả lại (44). Rồi bảo mời các sai
(' quan vào điểm Cự-uy để thiết tiệc. Xong, lại theo đồ thư
(' ma tiễn về.

(' Quan phụng-sai Niên-lộc hầu 粘祿 hộ-vệ đưa 3 hòm cỗ
(' đến Công-quan. Quan bạn-tiếp dẽ vào biểu ba vị triều-sứ
(' mỗi vị một hòm đựng 1 con lợn quay, 1 bát bánh ít 火餅 ,
(' 1 bát bánh lá 菜餅, 1 bát xôi đậu 款豆 .

(' Hoàng-thượng có thư nói đem tặng các sứ 100 lượng
(' thổ-ngân và 3 hốt bạc bao-phong (45). Sai Thượng-lộc hầu
(' đem đến Công-quan, cùng các viên bạn-tiếp sai thông-sứ
(' đưa vào biểu ba vị Triều-sứ. Các sứ xin tiền trả vua bạc
(' bao-phong vua bạc đáp lễ, và có thư tạ. Hoàng-thượng
(' lại gửi thư nói: ((Chớ cố-tư! Như thế là may))

(' Vương-thượng cũng có thư nói đem tặng 90 lượng thổ
(' ngân và 3 hốt bạc bao-phong. Sai Thượng-lộc hầu đem đến
(' Công-quan, cùng quan bạn-tiếp dẽ vào biểu. Ba vị Triều
(' sứ tiền trả lại không lấy lễ-vật. Khâm-sứ có thư tạ.
(' Vương-thượng lại viết thư nói: ((Chớ cố-tư! Như thế thì
(' may))

Kỉ-sứ chép việc tặng bạc vào hôm sau và thêm việc đòi
ấn nữa. Lời chép như sau:

" Ngày 21 (tháng 10), Quốc-vương đưa tiền tặng và đặt
" tiệc mời. Chung tôi nhận (46)
" Chung tôi truyền cho bọn Nguyễn Công-Vọng rằng: ((Vị
" cố gì mà chưa đưa trả ấn cũ?)) -- Công-Vọng bậm: ((Ấn cũ
" là của Thiên-tử đã cho Tiên-vương. Tiên-vương được ban
" khi còn sống; cố-nhiên như vậy là vinh-hạnh. Đến nay mà
" phải gọi lại đem trả thì chẳng khỏi có điều bị nhục sau
" khi mất)) -- Chung tôi bảo rằng: ((Tiên-vương đã từng
" được nhận sách-phong, như thế là khi sống được vẻ-vang.
" Nay được dụ-tế, thì là sau khi mất cũng lại được vẻ-vang
" nữa rồi. Sao lại nói đến có sự lam nhục?)) -- Bọn Vọng
" bậm: ((Sau khi Tiên-vương mất, chúng tôi lập-tức đem ấn
" tín đã được ban, đặt trước thần-chủ, để lam của bau muôn
" đời. Nếu nay gọi ấn trả lại, thì sẽ không còn gì truyền
" lại đời sau nữa)) -- Chung tôi dụ rằng: ((Tuy có gọi trả
" ấn cũ, nhưng đã có ban ấn mới rồi. Từ rày về sau, muôn
" muôn năm nữa thì đối với Thiên-triều, nước người vẫn lam

(44) Chỉ lấy một phần nhỏ quà biểu rồi trả lại phần lớn ấy
là phép lịch-sự. Thượng sau khi người tặng năn-ni, thì phải
nhận hết. -- (45) Thổ-ngân 土銀 trở bạc chưa luyện và đục nên
nen. Bạc bao-phong là bạc ròng đục nên thoi. Hốt là nen. 〇
(46) Ngày tặng, tiền có lẽ đúng là ngày 20, nhưng ngày các
sứ chịu nhận là ngày 21. Như vậy thì cả hai bên đều phải.

" " tôi thờ phụng. Thay ấn cũ bằng ấn mới, không phải không
" được. Cần gì mà phải lấy cái ấn cũ để truyền về sau tr-
" ong nhà))
" " Bọn Vọng: ((Vâng! Vâng!))

Lí-luận của quan Việt về việc ấn lại bị thất-bại một lần nữa. Có lẽ vì vậy mà Lược-biên không chép cuộc biến-bạc này, mà chỉ chép việc thết yến các sứ vào ngày này như sau:

(' Ngày 21 (tháng 10) các quan phụng-sai là Binh-bộ tả thị
(' lang Hương-giang nam và tả-thiếu-giam Tuyên-nghĩa hầu
(' đến Cống-quan tiếp yến. Sai Qui-lộc hầu hộ-vệ 30 mâm cỗ
(' yến với 3 bao tra, 3 vò rượu đem chia biếu ba vị. Lại
(' sai thông-sứ đưa thư vào trình. Triều-sứ cáo không chịu
(' ra tiếp, không làm lễ tiễn, chỉ sai tiên-lộ lấy vào. Và
(' Khâm-sứ có thư cảm ơn. * 香江男, 送美侯, 規祿侯

LỄ TẾ CHÚA TRỊNH TẠC

Đúng như hẹn, ngày 22 tháng 10, cử hành lễ diếu chúa Trịnh Tạc là cha Trịnh Căn đã cầm quyền 14 tháng nay. Việc này chỉ là một việc tự, cho nên các sứ chỉ sai tiên-lộ và gia-nhân làm lễ tế ma thôi. Tuy vậy, lễ vẫn được hành rất trọng-thể và sự cũng không giầu. Trong Ki-sự có chép chuyện này, tuy sơ-sai nhưng có ghi bai văn tế. Lời rằng:

" " Ngày 22, chúng tôi khiến bọn Binh-bộ sai-quan là Lí Văn Xan 李文燦 đi tế việp Phụ-chính họ Trịnh nước ấy. Văn tế như sau: ((Ô hô! Trời thương nước người. Đã sinh chủ nay được hưởng lộc, ắt sinh bầy tôi giỏi hiem có để giúp truyền ngôi lâu dài. Mà con cháu người ấy cũng hưởng ân-trạch mãi-mãi. Ấy gọi là: Nói long trung trịnh thì cung nước đều vui. Cứ xem chuyện tiên-sinh ông gia họ TRỊNH, pho-quốc-chính nước An-nam, thì dụ tịn lời ấy. (47)

" " ((Trộm nghe rằng nước An-nam vào lúc cuối đời Minh, mấy đời nổi việc trung-hưng để được thấy nhà Vương tái-lập. Luôn luôn dốc lòng ủng-hộ, giúp rập trọng ngoại. Phạm những công lớn lập ở cõi Nhật-nam, là bởi cạm, cố, ông, cha Tiên-sinh về phần lớn. Đến khi triều Hoang Thanh ta lên ngôi nhất-thống cơ-dở, thì khi nghe tịn, liền qui phụ xin làm phen-giầu ở bờ Nam. Nếu không phải là Tiên-sinh, có trung giúp chúa, có hiếu nối nhà, có sáng biết cơ, có dũng định mưu, thì không làm nổi việc ấy.

" " ((Rồi, sau khi Vương trước mắt, Tiên-sinh đã ủng-lập vị nối ngôi ngày nay. Lặn-lửa nhiều lần, như thế đã chịu di-mệnh bọn đời chúa, xung huân-nghiệp của tổ-tiên. Không những ở nơi hoang-địa xa-xăm, mà xét trong các sứ cũ

(47) Lược-biên có chép bai văn tế này, nhưng có nhiều điểm khác. Xét lí và nghĩa thì thoạt Lược-biên là bản đọc khi tế. Ví-dụ khi tế thì xưng Trịnh Tạc là Tiên-sinh mà sau đổi ra Phụ-chanh trong Ki-sự. Tôi dịch theo bản Lược-biên ở nhiều

'' chép chuyện các thế-thần của triều-dại lớn cũng ít thấy
'' như vậy.

'' ((Bọn ĐỒ chúng tôi, kính xem ngưỡng-mộ, không chỉ hôm
'' nay. Kay mang mệnh nhà Vua, xe sư sang Nam, Mong thành
'' công, quên đói mệt. Ngay vào cửa Quan, thoát hay tin dữ
'' kẻ hiền dạ mất, thương xót không thôi. Vậy bày lễ mọn,
'' mong tỏ lòng thành. Ý để nhắc kẻ nối Tiên-sinh lam chu-
'' chốt, giúp rập Quốc-vương luôn luôn trung-kiên hiệu-thuận
'' để tỏ rõ lòng thành thờ bề trên, lụy-hương ân Vua, nhiều
'' phen bực tử. Giúp một người ở phải đạo, được thắng-bình
'' mãi nghìn thụ. Nhụ thế thì Tiên-sinh ở Chín-suối cũng
'' được ngậm cười. Mọi hưởng !))

'' Quốc-vương nước này và họ Trịnh đưa tiền trả lễ 190
'' lạng. Chung tôi thu.

Lược biên không chép sự đưa bạc trả lễ, mà chỉ chép:
'' ((Vương-thượng có gian-văn kính tạ)) mà thôi. Trái lại, về
'' nghi-thức ngày lễ này, tập ấy chép rất tương-tận như sau:

'' Ngày 22 (tháng 10), Triều-sứ sai quan kính-tế bài-
'' vị Thanh-vương trước, Về tế-vật, đã cấp 30 lạng bạc. Các
'' linh dân bầy, các quan-quan, các ban nhã-nhạc, các quan
'' hầu, các kẻ cầm dù, cầm tàn, đều mặc đồ trắng tạt. Ngoài
'' Miếu thờ thì dung áo mào màu đen. Quan-binh dân bầy.

'' - Sân Phủ-duong-ngoại: bên tả có các đội Thị-hậu Kị-tả,
'' Kị-tiên, Dục-tả, và cơ Thị-nội-tả. Bên hữu có các đội
'' Thị-hậu Kị-nhị, Kị-hữu, Kị-hậu, Dục-hữu, và cơ Thị-nội-
'' tả.

'' - Sân Miếu thờ và trong miếu: Bên tả ở trong có các đội
'' Thị-nội-trạch, Trạch-nhung, Trạch-trạch; bên ngoài có các
'' đội Kiệu-tả, Kiệu-nhất, Trạch-hữu-tiên, Dục-hậu, Mã-tả,
'' Mã-hữu, Mã-tiên, Mã-hậu và bốn đội Trạch-mã tả, hữu và
'' tiên, hậu. Bên hữu có: phía trong thì các đội Thị-hậu Nội-
'' nhất, Nội-nhị và Trạch-trạch; phía ngoài thì có: Nội-cản,
'' Kiệu-tả-hậu, Trạch-hữu-hậu, Cự-uy, Nội-mã-tả và Nội-mã-
'' hữu.

'' - Từ ngoài cửa Các đến Cửa Nanh, hai bên đường có: Kính
'' trung, Kính-hữu, Dục-hữu, Trạch-ưu-hữu, Trạch-ưu-tả, Nội
'' uy-hữu, Nội-uy-hậu, Trạch-ưu-hậu.

'' - Lương cai ở ngoài (Cửa Nanh): hai bên có: Kính-tiên,
'' Nội-uy-tả, Tả-nhất, Hữu-nhất, Tiên-nhất, Hậu-nhất.

'' - Các vương-thân, vương-tử và vương-tôn đều mặc đồ trắng
'' theo hạng mình mà dung. Các quan văn võ đều mang áo mào
'' bằng vải trắng tạt. * 康和公

'' - Đọc lời cao (khấn hay văn tế?): Thái-tể Liên quận công

chỗ. Nhưng còn phải thêm vào đầu bài văn tế những câu sau:
'' ((Năm Khang-hi thứ 22 là năm Quý-hợi (1683) tháng 10, ngày
'' sóc Mậu-tuất, ngày tế Kị-mùi (22), Khâm-sai sách-phong chế-
'' nh-sư Hàn-lâm-viện Thị-độc, ban Nhất-phẩm MINH ĐỒ; dụ-tế
'' chánh-sư, Hàn-lâm-viện Thị-độc, ban Nhất-phẩm Ô HẮC; ph ó-

(' - Đón tiếp từ Công-quan đến Bến dõ: quan cai cơ Tiền-th
 (' ằng, dô-dốc thiêm-sự Hộ quận-công với các đội quan-binh
 (' Nội-mã, Trạch-mã. Ngựa 12 con. 护郡公 石山子 庚衍子
 (' - Đốc-diều lính và nghi-trượng để rước từ Công-quan đến
 (' Miếu thờ; quan Phó-tri Thủy-sự ti, Lễ-giam thiêm-thai-
 (' giam Thượng-lộc hầu, viên Phó-câu-kê tương-thần-lại th-
 (' ông-phó Thạch-sơn từ và viên Tự-thăng Khanh-diễn từ.
 (' - Hương-an 1 toa; Tan vàng 1 chiếc; Trượng sơn son 30.
 (' - Đưa sang sông: đội Thị-bồng với 5 chiếc thuyền Hải-dạo
 (' hoạ-man. 弘郡公, 河郡公, 阮公炼 黄春时
 (' - Nghinh-tiếp từ Bến đến Miếu thờ: quan võ có Hoàng quân
 (' công, Hạ quận-công và quan-binh; quan văn có Nguyễn Công
 (' Thước và Hoàng Xuân-Thị. Ngựa đội Lục-kị 12 con.
 (' - Nghinh-tiếp từ Cửa Nanh đến Miếu thờ và tiếp yến: quan
 (' văn là Nguyễn Đăng-Tuân và Lê Hưng-Xung. 阮登遵 黎雄称
 (' - Đáp lễ bằng 2 vai: quan văn là Lê Sĩ-Cẩn. 黎仕谨

(' Sáng sớm, quan phụng-sai Thượng-lộc hầu dốc-diều
 (' binh đón và nghi-trượng (1 hương-an, 1 tan vàng, và 30
 (' trượng sơn son) tiến vào Công-quan. Các triều-sứ hội tại
 (' quan Ô Hắc. Đặt tế-văn trên hương-an rồi sai 5 viên quan
 (' với 6 tuy-nhân lên ngựa, giờ Thị (7-9 giờ) đi ra khỏi
 (' quan. Quan quân rước tới ngoài Cửa Nanh đợi. Được lệnh
 (' rước vào đến Miếu thờ. Lấy tế-văn trên án bung lên. Nghe
 (' xương: ((Lễ tế quan tự vị)), năm viên sai-quan tiến lên
 (' dứng ngang hàng trước hương-an, làm lễ 1 lạy 3 cúi dầu.
 (' Rồi qui xướng để lam lễ dâng hương. Sai-quan nâng hương
 (' ngang trần, rồi trạo lại cho triều-quan tiến dặt lên án:
 (' Nghe xương: ((Tế từ)), một viên sai-quan tới chỗ dặt
 (' rượu, trở về chỗ, qui xướng, nâng chén rượu ngang trần,
 (' rồi trạo cho triều-quan để dâng lên. Lại nghe xương: ((
 (' Tuyên độc tế-văn)) Triều-quan đọc văn tế (47). Cuối cung
 (' nghe xương: ((Phủ phục)) các sai-quan lam lễ 1 qui 3 cúi
 (' dầu. Lễ xong, lui dứng sang bên trái hương-an. Các vuơng
 (' thân và bach quan vào lạy.

(' Lễ xong, mời các sai-quan tới ngồi trong Xuyên-duò.
 (' -ng 穿堂 (nhà cầu) phía tả Miếu thờ. Các văn-quan Nguyễn
 (' Đăng-Tuân và Lê Hưng-Xung tiếp yến: 5 sai-quan mỗi người
 (' 1 mâm, những kẻ tuy-nhân 2 mâm, các quan tiếp yến 1 mâm,
 (' cộng cả thầy 8 mâm. Mời uống rượu và trà xong, mời bạn
 (' cho khách sổ tiền 'thay trả', mỗi sai-quan 10 lạng bạc
 (' phong-bao và mỗi tuy-nhân 5 quan tiền sứ; cộng tất cả 50
 (' lạng bạc và 30 quan tiền sứ (48). Ban tiền xong, các sai

(47 nổi) -sứ Lễ-bộ lang-trung, ban Nhất-phẩm CHU XÁN, kính
 (cần tế vong-linh An-nam quốc-vuơng Phụ-quốc-chính TRỊNH
 (thái-lão tiên-sinh. Lời rằng: Ô hồ!.....)) Lễ tế này không
 (phải việc công, nhưng các sự cúng trình cho vua Thanh hay.
 (Khi tế, tiếng xung-hô cổ-chủ là Tiên-sinh như một thương-nhân
 (48) Quan tiền sứ gồm 100 đồng tiền, tức là số bình-thương
 (trai với quan tiền gián chỉ có 60 đồng mà thôi. 便錢, 課錢.

(' quan nhờ Thượng-lộc hầu đợi lệnh để tạ ơn, Chúa (Trịnh
(' Cấn). Cọ chỉ bọo chươc lễ lạy và truyền bảo, rươc các sai
(' quan trở về Quan, Thượng-lộc hầu tiến ra khỏi cửa Nam,
(' đến đương cái. Các sai-quan đều lên ngựa ma trở về. Lúc
(' đi và lúc về, đều theo đồ-thư sau đây ma tiến:

(' Lính cơ Hậu-khuông-----
(' Trượng, Ngựa Ngựa Trượng, Lính
(' Lính cơ } son Tàn } Hươg son Lính cơ }
(' Hậu-khuông } Trượng } Vang } an ----- Nội-hậu }
(' son Trượng son Lính
(' Lính cơ Hậu-khuông-----

(' Ngày ấy, Vương-thượng có thư kính tạ

Việc Trịnh Cấn xin sớ tế cha và việc sớ nhận lời quạ là một việc bất-thường và tế-nhị. Đối với Thanh-triều, thì chúa Trịnh chỉ là một viên quan phụ-chính. Chưa không tham dự trực-tiếp lễ đón sớ. Thế mà sớ không những không lấy làm trái lệ, mà còn đem tặng-phẩm biểu hậu hợn biểu vua Lê. Ấy vì sớ và Thanh-triều cũng hiểu rằng ở nước ta bấy giờ thực quyền ở tay chúa Trịnh. Chúa Trịnh tuy muốn vượn lên hàng vua Lê khi xin sớ tế cha, nhưng trước chế-độ sách-phong đã nói trên, chúa không thể tiến hãn ngôi vua được. Sớ Thanh cũng biết vậy, cho nên cũng nhận lời tế cho, ma không giấu vua Thanh. Nội tọng lại, sự ngoại-giao đối-xử giữa hai triều đã dựa theo vua vào nguyên-tắc phiên-phong, vua vào thực-tế.

XỬ-ĐOÁN CÁC VIỆC LINH-TINH TRƯỚC RA VỀ

Các nhiệm-vụ của hai sớ-bộ như thế là xong, chỉ còn một vài việc linh-tinh chưa giải-quyết, như việc ấn cũ chưa trả và việc tặng tống các sớ-bộ tiến và quạ qui-tần (tiền biểu đưa lên đương 魏縣) chưa ụng ý. Trước đã định ngày 25 ra về, nhưng đến chiều 26 mới rởi Công-quan Gia-quật. Nhưng việc làm trong ba ngày rưởi trước khi lên đương, thì các sự ít chép lại. Trái lại, Lược biên còn ghi một số sự-kIỆN khá đáng chú-ý, như sẽ kể sau, tuy rằng về thời-gian chép không ranh-mạch.

Ngày 23 tháng 10, Kỉ sự không mách một việc gì. Lược biên cho hay hai chuyện:

1.- TẠ ON

Nguyên lệ thì sau lễ sách-phong và dụ-tế, phiên-quốc thường sai sớ theo Triều-sự mang lễ-vật sang tạ ơn. Nếu kì tuế-cống không xa, thì thương hoãn lễ tạ ơn để cùng làm một chuyện. Lược biên chép:

(' Ngày 23, nước ta có đưa đơn nói: ((Về lễ tạ-ân thì
(' xin đợi kì cống sẽ sai bồi-thần mang tạ-nghi 謝儀 cùng
(' phương-vật tuế-cống sang tiến một thể))

2.- THẾT YẾN

(' Ngày 23, các quan văn phụng-sai, Uông Khuê và Nguyễn
 (' Dăng-Long tới tiếp yến. Viên nội-sai Cầm-trạch hầu mang
 (' 30 mâm cỗ với tra rượu tới Công-quan, chia biếu 3 vị sứ,
 (' Sai thông-sự đem công-văn vào trình mà dâng. Khâm-sứ có
 (' gian-văn cảm tạ. 汪鏡 既啓竟 錦濟候

3.- HỌC-HỎI ĐIỀU-TRA

Nhân ngày rỗi, có vị sứ, có lễ Chu Xán, đặt một số câu hỏi về địa-lí, nhân-vật, phong-tục về nước ta. Các quan bần tống có trả lời sơ-lược, phần lớn trích từ những sách cũ mà đáp. Lược biên chép vào ngày 23 tháng 10 như sau: (49)

(' Ứng đáp các điều:

(' 1./ Phép tính lịch, thời-tiết, khí-hậu ở nước tôi cũng
 (' như ở Trung-quốc. (không dùng)

(' 2./ Cách đặt quan ở phủ, châu, huyện thuộc 13 đạo ở nước
 (' tôi cũng như ở Trung-quốc.

(' 3./ Nước tôi, bờ đông giáp biển, bờ nam giáp Chiêm-thành,
 (' bờ tây giáp Lão-qua. Mỗi bờ cách Đô-thành xa không biết
 (' bao nhiêu dặm. (cố-y giấu vì cơ vũ-bị)

(' 4./ Nước tôi có những núi: Phật-tích 伏跡 ở đạo Kinh-bắc,
 (' Câu-lậu 峭嶼 ở đạo Sơn-tây, Hạ-lĩnh 夏嶺 ở đạo Hưng-hóa, Tam
 (' phong 三峰 ở phía đông-bắc Đô-thành, Yên-tử 晏子 ở phía đông
 (' Đô-thành, Tân-viên 鞏園 ở phía tây-bắc Đô-thành. Các danh
 (' sơn khác thì chưa dễ đếm hết.

(' 5./ Nước tôi có những tên sông: Phú-lương 富良, Cầu giang
 (' 湄江, Thương-giang 滄江, Tam-giang 三江. Sông Tuyên-giang
 (' thì ở đạo Tuyên-quang 宣江. Ngoài ra thì khó long kể ra
 (' hết. (cố-y giấu vì vũ-bị)

(' 6./ Nước tôi có đất Ái và đất Hoạn. Nhưng đó là tên xưa.
 (' Nay, Ái là đạo Thanh-hoa, Hoạn tức là đạo Nghệ-an. Các
 (' đất này đều ở phía nam Đô-thành. Người hai đất ấy có tài
 (' lỗi-lạc tuần-kiệt, có học thông-suốt bao-la. Cơ sao lại
 (' phân chia bên thị thích-thắng (không chịu ràng-buộc) bên
 (' thị văn-nhã (chắc rằng sứ hỏi y-kiến về thanh-kiến thấy
 (' chép trong các sách Trung-quốc như 'Hoan Diển nhị châu,
 (' đa văn-học; Giao Ái nhị châu đa thích-thắng sĩ') 瓌演 =
 (' 州多文學; 交蠻二州多個儗

(' 7./ Nhân-vật nước tôi xưa nay có kẻ nổi tiếng về lí học,
 (' có kẻ nổi tiếng về kinh-tế, có kẻ nổi tiếng về văn-chư-
 (' ơng. Người có tài nhiều, không thể chép hết.

(' 8./ Nước tôi, ở Kinh có trường Quốc-học, ở ngoài có tr-
 (' ường Hương-học (hương 鄉 俎 xử như thị hương). Còn những
 (' vị Hiên được phối-hương (thợ phụ với Khổng-tử) thì cũng
 (' như ở Trung-quốc. (Hoặc-giả sử có nghe chuyện ở nước ta

(49) Trong đoạn này, cách biên ngày ở Lược-biên khá lộn xộn

(' có thời phụ-tế Chu Văn-An ở Văn-miếu. Chắc-chắn hơn, là
(' bởi câu chuyện tập-truyền bên Trung-quốc từ đời Minh, con
(' thấy chép trong bộ Thuyết-linh, mà Lê Quý-Đôn đã mách
(' trong Bắc sử thông lục. Chuyện ấy bịa rằng: An-nam, không
(' thờ Tuyên-thành, --Khổng-tử-- Kê được chiêm-bai là học-sĩ
(' đời Minh; y chung vị đời Minh học-sĩ Giải Tấn đã làm tá-
(' chạnh coi đất này và đã hung văn-giao ở đó --lời này là
(' của Phan Đình-Khuê có việc ở Khâm-châu mua thu năm 1699
(' đã qua chơi nước ta rồi ghi lại trong tập An-nam Kỉ dụ.
(' -- Năm 1762, khi Lê Quý-Đôn đi sứ Thanh về qua phủ Thái-
(' bình, viên Đề-đốc họ Chu cũng đem chuyện Giải Tấn để hỏi)

(' 9./ Nước tôi mở khoa chọn sĩ, thi hương thì chọn những
(' năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu; thi hội thì dùng những năm Thìn,
(' Tuất, Sửu, Mùi. Như vậy, ba năm thi một lần. Lệ-ngạch--
(' số người đậu-- tuy theo văn mà lấy, nhiều ít, không định
(' hạn-số. Khảo-thí thì dùng phép thi 4 kì: trường nhất thi,
(' kinh-nghĩa, trường nhì thi tư-lục, trường ba thi thị phú
(' trường tư thi sách-vấn. Thi hội đậu rồi, con thi đình .
(' Phép thi rất nghiêm cũng như ở Trung-quốc.

(' 10./ Ở nước tôi, các chức kinh-quan, ngoài những chức th-
(' uộc Ngũ-phủ, Lục-bộ, Ngự-sử-dại, lại có Lục-khoa, Đông-
(' các, Hàn-lâm, Đề-hình, Giám-sat 13 đạo. Về quan-chế thi
(' cũng gần giống như ở Trung-quốc.

(' 11./ Ở nước tôi, về y-quan, lễ-nhạc cũng có thường-hành.

(' 13./ Tang-lễ ở nước tôi theo Chu-công gia-lễ. Về tang -
(' phục, quan-quách, lăng-mộ cũng phỏng theo phép Trung-quốc.

(' 12./ Hôn-lễ ở nước tôi cũng có thường-hành. Cũng kiêng
(' kết-hôn với người cùng họ.

(' 14./ Về chuyện Hi-thúc làm nhà ở Nam-giao (Nghiêu-diễn
(' có câu: Thân mệnh Hi-thúc trạch Nam-giao, 申命羲叔宅南交)
(' thì là chuyện đời Nghiêu. Nay cách lâu đời, không thể tìm
(' di-tích.

(' 15./ Thuế điền ở nước tôi thường dùng phép 10 phần lấy 1.

(' 16./ Tiền-chế ở nước tôi dùng niên-hiệu của từng đời mà
(' đúc. Mười thì nấu ở các bãi biển.

(' 17./ Về tang-tế, nước tôi không theo phép Nhị-thị = 弔 --
(' có lệ phép Phật-giáo và Lão-giao -- Còn sự cạo tóc, đổi
(' để lam tăng, thì nước tôi có lệ nghiêm cấm. Gian hoặc có
(' tam-tăng 三僧 (?) tu giầu, thì đó là con đường tu ngoại
(' phép-luật ma thôi.

(' 18./ Chim công và chim trĩ trắng ở nước tôi vốn có, nhưng
(' thường chỉ thấy chim công ma thôi. Trĩ trắng ít thấy. Ng-
(' oai ra, chỉ có những chim vụn-vặt ma thôi. (cổ y giầu vì
(' sợ về sau Trung-quốc sẽ sách-hoạch như ngày xưa đời cống
(' lông chim sả, hoặc chà, chằng?)

(' 19./ Các loài thú dưới-ươi (tinh-tinh猩猩), khi dầu chó
(' (phật-phật佛佛), khi bắt chuột (mông-quí家贵, đều là
(' vật ở núi rừng. Chúng tôi chưa từng thấy. Con ngoài rạ,
(' thì đều là những thú-vật hen mọn. Con như cây cò ở nước
(' tôi thì khác ở Trung-quốc ít thôi. Chỉ là có thương thôi
(' (cố ý giấu vì sợ sách-hoạch)

Qua những câu trả lời, ta có thể đoán được những câu hỏi. Chắc rằng những câu hỏi đều sợ-lược, liên-quan đến lối chep phong-thộ-chí. Ta cũng đoán rằng các sử có những kiến-thức rất sơ-sai về nước ta, luộm-lặt trong những sách rất cũ và lỗi thời. Nếu sự lạ những kẻ hiếu-kì, thì có lẽ thất-vọng bởi những câu trả lời vô-tình hay cố-ý sơ-lược kia. Ta không thấy Kí sự ghi gì về việc phỏng-vấn này cả. Trai lại các sử, trong ngay hôm sau lại chep đến việc vua Lê không chịu trả ấn cũ. Kí sự chep rằng:

" Ngày 24 (tháng 10). vì phó-sứ Tôn Trạc đã bị bệnh
" mất dọc đường, Quốc-vương đem tiền 100 lạng bạc để phụng
" Chung tôi đã nhận.

" Quá trưa hôm ấy, Quốc-vương gửi tới một ống tư-văn
" và một tờ cam-kết (về việc trả ấn). Trong thư nói rằng:
" ((Tiên-vương chúng tôi đã giữ trọn tiết trung-trình. Hoạ
" ng-thượng cũng đã thấu lòng. Thế mà nay lại bắt gọi trả
" ấn cũ. Không dè rằng khi sống thì ban cho, sau khi chết
" lại đòi thu. Ma xét trong diên-lệ, xưa nay không có lệ
" khi ban ấn mới thì thu ấn cũ. Vậy mong đình việc đòi lại
" ấn, để tỏ rõ lòng ân-tận của Triệu-đình)) Ở cuối tờ cam
" kết, lại nói: ((Ấn này là chứng của điều khi sống đã hay
" cẩn-thận giữ phiến-phong; sau khi mất, lại là của quý
" trong nhà truyền đến muôn đời. Về cái ấn cũ, chúng tôi
" sẽ làm sơ riêng tâu xin cho giữ lại. Vậy làm tờ cam-kết
" này))

Tờ cam-kết này cởi hết trách-nhiệm của các sử. Vì vậy các sử đành phải nhận lời.

TIỀN TẤN-NGHI VÀ LỄ TIỀN-HÀNH

Ngày xưa, khi tiễn khách phương xa đến đều có lệ đưa tiền tặng để giúp vào chi-phí trên đường, tiền ấy gọi là tiền quĩ-tấn. Đối với sứ-bộ, thì sự ấy công-khai thành một nghi-thức, cho nên cũng gọi là tấn-nghi. Tấn-nghi cũng gồm cả những tặng-phẩm ngoài tiền bạc nữa.

Về điều này, Kí-sự chep vắn-tắt rằng:

" Ngày 25 (tháng 10), Quốc-vương đưa tấn-nghi gồm 360 lạng
" bạc, 10 tấm quyển, 4 tấm vải, một tấm vải lông, một cây
" đa-la-ni (50). Chúng tôi từ không nhận. Viên phụ-chính

(50) Vải lông (vũ-tự)羽絨: nghĩa đen là thú tấm dệt bằng tơ lông chim. Đây chỉ là một thứ vải ni của Tây-phương nhập.

" họ Trịnh lại đưa biểu tạ - nghi, chúng tôi chưa thấu. Lại
" đưa lễ tân: 140 lạng bạc, cùng khí-dụng bằng bạc và khí-
" giới như dao, súng. Chúng tôi cũng chưa thấu.

" Ngày 26, Quốc-vương ủy bọn quan hộ-tổng Nguyễn Trạc
" Lũng đến tiến lễ tiến-hạnh. Viên Phụ-chính họ Trịnh lại
" biểu tạ-nghi. Các sứ-thần họp bàn-bạc rồi chỉ thấu dao,
" súng, nỉ dạ-la, một hộp nhỏ. Con vật khác thì chưa
" thấu. Rồi chúng tôi ra đi. "

Nghe những lời chép trên, người ta có thể tưởng rằng
các sứ muốn giữ tiếng liêm của người can-sự cho nên từ các
lễ tiến bạc. Sự thật khác thế. Ta nên để ý đến từ ngữ chưa
thấu mà các sứ đã dùng. Ý muốn nói rằng chưa hai lạng và am
bảo phải thêm vật biểu. Về các món biểu và cách sách-hoạch
của các sứ, thì Lược-biên chép rất rõ-rang tuy rằng thời -
điểm hơi khác và có chữ lầm (51). Lời chép như sau:

(' Ngày 24 (tháng 10) lại có giản-văn báo: đem 120 lạng
(' bạc để kính đáp các sứ (theo sau thì là lễ của Chua)

(' Ngày 25, Khâm-sứ có giản-văn trả lời, tạ sự để hoàn
(' toàn trả lại lễ ấy. Vương (chùa Trịnh) lại có giản-văn
(' xin nhận lễ cho.

(' Ngày 26, quan phụng-sai đem lễ quĩ-tân tới. Lễ gồm:
(' - Chanh-sứ MINH ĐỒ: 360 lạng ngân-tử (bạc rơi), lụa sống,
(' vải thâm, dạ-la xanh, binh-khí (đoạt) bằng đồng.

(' Thuộc chanh-sứ Minh Đồ:
(' - Gia-nhân (20 tên): 60 lạng ngân-tử, lụa sống, vải-
(' thâm.
(' - Binh-bộ sai-quan (1 viên): 100 lạng ngân-tử, lụa
(' sống, vải thâm.
(' - Bồng cáo quan (1 viên): 80 lạng ngân-tử, lụa sống,
(' vải thâm.
(' - Quan-binh hộ long-kì, hoàng-tán (16 viên): 54 lạng
(' ngân-tử, lụa sống, vải thâm.
(' - Lễ-sinh (1 viên): 10 lạng ngân-tử, lụa sống, vải
(' thâm.
(' - Tá-giang đạo sai-quan (1 viên): 5 lạng ngân-tử, Lụa
(' sống, vải thâm.
(' - Thông-sự (1 tên): 5 lạng ngân-tử, lụa sống, vải thâm
(' - Quân-laọ, nhã-nhạc, khiêng kiệu (24 tên): 72 lạng
(' ngân-tử, lụa sống, vải thâm.
(' - Tuy-dịch (11 tên): 22 lạng ngân-tử.

(51) Vào khoảng này bản sao chép đảo lộn các thời-diểm tại
một vài chỗ, hoặc chép xen vào việc ngoài việc sự-sự này.
Ví dụ việc ngày 24 chép rải rác tại hai chỗ trước ngày 23;
và lại chép một phần chuyện ngày 26 vào ngày 24, nhất là
chuyện các sứ đòi Cộng-quan ra về. Sự lầm này chắc-chắn vì
trại với Kỉ sự đã danh, mà nếu đúng thì các sự tựa hồ như
phải ở lại trạm Lã-côi ba đêm mới đúng hồi-trình sẽ kể sau.

- (' - Chánh-sứ Ô HẮC và thuộc-hạ thì số người và các vật biểu
- (' cũng như trên, trừ hai hạng sau:
- (' - Gia-nhân (19 người): ngân-tử và các vật như trên.
- (' - Tuy-dịch (13 tên) : ngân-tử và các vật như trên.
- (' - Phó-sứ CHU XÁN: ngân-tử và các vật như trên.
- (' - Gia-nhân (25 người): ngân-tử và các vật như trên.
- (' - Binh-bộ sai-quan (1 viên): ngân-tử và các vật như
- (' trên.
- (' - Thông-sự (1 tên): ngân-tử và các vật như trên.
- (' - Quân-lao, nhã-nhạc, khiêng kiệu (42 tên): 80 lạng
- (' ngân-tử, lụa sòng, vải thâm.
- (' - Tuy-dịch (5 tên): 10 lạng ngân-tử.
- (' Có thư riêng gửi cho các sứ.

(' Ngày ấy, các quan phụng-sai bạn-tiếp Vĩnh-ngạn nam,
 (' Lai-sơn nam, thêm-đô Nguyễn Đình-Côn, tham-chính Hoàng
 (' Công-Trí, nô-t sai Thượng-lộc hầu và các quan tiểu-tu 小
 (' tiểu-dịch 小, tới Công-quan mở bày các đồ-qui-tấn. Khiến
 (' thông-sự đem 7 đạo giản-văn vào trình. Khâm-sứ mời viên
 (' nội-sai thêm-thai-giảm Thượng-lộc hầu vào Công-quan.
 (' Khâm-sứ MINH trao giản-văn nói cung tiến 3 thung đồ sứ,
 (' và biểu qua từ-giã viên nội-sai Thượng-lộc hầu 1 cuốn sa
 (' 1 cuốn lụa hồng-truu (tơ gốc nhuộm đỏ 紅). Viên nội-sai
 (' đem vật các sứ tiến về nộp. Được lệnh lại đem lễ-vật ấy
 (' kính-cẩn trả lại (44). Có giản-văn gửi giải đáp. Khâm-sứ
 (' CHU biểu qua từ-giã bốn viên bạn-tiếp 4 cuốn vải thưa.

(' Ngày ấy (nguyên chép ngày 24, xem chú-thích 51) giờ
 (' Tị (9-11 giờ), ba vị khâm-sứ sai thông-sự đem các vật
 (' tặng riêng vào gồm mỗi vị 140 lạng ngân-tử và khí-giới
 (' như sùng, việt, gươm. Các khâm-sứ mỗi vị lấy 8 vật, con
 (' dư đều tiến trả. Qua riêng biểu bạ viên Binh-bộ sai-quan
 (' gồm mỗi viên 60 lạng ngân-tử và các vật. Biểu riêng hai
 (' viên bổng-cao và bổng-dụ mỗi viên 30 lạng ngân-tử và các
 (' vật. Tất cả năm người này đều thu nhận các quà. Hai khâm-
 (' sứ Ô và CHU có giản-văn kê khai những vật biểu đem tiến
 (' lại. Con khâm-sứ MINH thì tự tay mình viết thẳng vào thư
 (' gửi đến mấy chữ ((Lấy 8 cái)), Các sứ không có giản-văn gì
 (' nội trả lại các vật-qui-tấn cả, và cũng chịu nhận các đạo
 (' giản-văn đã gửi tới.

(' Các quan phụng-sai nhân viên nội-sai trở về đợi lệnh.
 (' Chua truyền cho quan phủ-liêu viết thư báo thêm ngân-tử
 (' với 3 tấm đa-la thơm, 3 cây bình-khí đũa bằng đồng, rồi
 (' sai đem vào Công-quan. Các sứ lại không nhận. Viên nội-sai
 (' lại trở về đợi lệnh mới. Chua lại truyền báo viết thư báo
 (' thêm tặng-vật, đưa đến Công-quan, sai thông-sự đệ vào cho
 (' các sứ.

Như vậy, về qui-tấn và quà riêng, số ngân-tử đã hơn ba nghìn lạng (chúng 120 kí), mà các sứ chưa chịu nhận, rồi để ra bộ dọ-dẫm các sứ giục-giã lên đường về.

TRÊN ĐƯỜNG CÁC SỨ TRỞ VỀ

Buổi sáng ngày 26 tháng 10, Công-quan Gia-quất rộ n-ràng tập-nập. Đã đến ngay các sứ-bộ sắp-sửa ra về; tuy-nhân xếp giọn hanh-trang, bạn-tiếp nhóm họp phụ ngựa. Lại thêm triều-quan đệ-tổng lễ vật tiễn đưa, ma còn bị sự-thần sách hoạc, phải vượt sông qua lại nhiều lần để tăng số lễ-vật. Mặc dầu tăng lễ tặng, các sứ cũng không nghe. Rồi qua trưa ngày ấy, toan hai sứ-bộ ra về. Mỗi ngày đi một trạm. Chiều ngày mồng 3 tháng 11, đến trấn Lạng-sơn. Sai-quan bạn-tổng phải đem các lễ tặng-biểu đi theo năn-ni xin nhận, nhưng vô hiệu-quả. Các sứ lưu lại Lạng-sơn một ngày, phân để đợi tin-tức về dự-bị don tiếp ở cửa Nam-quan, phân để các tuy-nhân mua sắm các vật-hạng của nước ta sản-xuất, nhất là để sách-hoạc về lễ qui-tân thêm. Đồi bên điều-định suốt ngày mồng 4 ma cũng không xong. Ngay hôm sau, về đến trạm Đông-dăng cũng còn vẫn co-kẻ đợi thêm-thất. Ngày sau nữa, mồng 6 tháng 11, hai chánh-sứ vào cửa quan trước. Các sai-quan ta ben điều-định với phó-sứ CHU XÁN mời ôn-thỏa xong. Chính nhờ vị này ma sứ-bộ còn giữ được phong-cách khá-trọng. Vốn là nhà khoa-bảng, y đã xướng họa với các sai-quan bạn-tổng hoặc làm thơ vịnh dọc đường. Chắc rằng y cũng nhận thái-độ các chánh-sứ khó chịu, nhưng cũng không dám ghi lại trong bài báo-cao.

Đối với 11 ngày hồi-trình, tập Kỉ-sự chỉ vắn-vện ghi những điều sau đây:

" Ngày mồng 3 tháng 11, về đến phủ Lạng-sơn, sai tùy nhân đi hội viên đồng-tri phủ Tư-minh đã soạn-sửa phụ và ngựa đầy đủ để ứng-dụng chưa? thì cấp-tốc gửi thư phúc-báo. Lại sai thông-sự đi thăm-thỉnh cửa Nam-quan.

" Các sai-nhân đi xong, ngày mồng 4, chúng tôi trú lại Lạng-sơn. Thông-sự trở về bảm rằng các phu và ngựa đã đến đủ ở cửa Quan.

" Ngày mồng 5, chúng tôi đến châu Văn-uyên. Quốc-vương lại sai các quan hộ-tổng TRỊNH THỰC (52), Trần Lương-Quy đến xin yết-kiến. Chúng tôi cho mỗi người vài sa va lụa đay. 郑植 *陈良贵

" Ngày mồng 6, chúng tôi tiến lên cửa Quan. Nước ấy lại đem lễ qui-tân trước tới. Chúng tôi thụ-nhận. Các đi-quan (16 ở trang 13) theo nghi-thực lạy để tiễn. Chúng tôi ben về. " (Kỉ-sự chấm dứt ở đây)

Máy mà tập Lược biên còn giữ được một số ít chi-tiết những sự đã xảy ra dọc đường, và nhất là gay-go gây ra bởi các sứ về vấn-đề qui-tân. Cuối cùng một tài-liệu về Việt-ngữ rất hiếm còn lưu đến ngày nay là tờ báo-cao bằng văn nôm

(52) Bản viết tay tôi dùng viết TRỊNH THẾ 裒, có lẽ sai.

của các quan bạn-tổng gửi từ Lạng-son về cho chúa Trịnh Căn

Sau đây là lời chép trong Lược-biên, có phần chắc là bởi NGUYỄN CÔNG-NHO một văn-quan trong phai-đoan bạn-tổng:

(Ngày 26 tháng 10 (53), giờ Mùi (13-15 giờ), ba vị
(khâm-sứ sai các viên tiên-lộ và thông-sứ thối-độc phu và
(ngựa lên đường. Những quan phụng-sai gồm bên văn lễ - đồ
(Nguyễn Trạc-Dụng, binh-dô Nguyễn Công-Nho, bên võ Thiệu
(quận-công, Hoàng quận-công (54), voi binh, voi, phu, ngựa
(đi hộ-vệ tiến hành. Những vật lễ quý-tấn ma các sứ chưa
(thu thì giao cho quan trấn-thủ Kinh-bắc sai lính lính
(lấy và hộ-vệ chở theo. Lại truyền cho các viên Vĩnh ngạn
(nam, Lai-son nam và viên nội-sai tiểu-tư Tuyên nghĩa hầu
(coi-soc các lễ vật ấy, và theo các sứ, khẩn xin thu cho.
(Giờ Thân (15-17 giờ), tiến đến trạm Lã-côi, dừng lại
(ngủ đêm. Cung-đốn đã có các huyện lân-cận nộp.

(Có viên thông-sứ của Thượng-quốc (Trung-quốc) là Lê
(Phuong-Minh trọ đêm ở nhà dân xa Yên-thương. Trong đêm
(bị trộm lấy mất các đồ vật: đoạn, lụa và tiền. Bởi vậy
(bắt chủ nhà trọ đem theo. Quan trấn-thủ Kinh-bắc bắt no
(bồi-thường 20 quan tiền sứ (55). *黎方明 安常

(Rạng ngày 27, lên đường. Giờ Mùi (13-15 giờ) đi đến
(trạm Thị-câu. Cung-đốn đã có các huyện mang tới nộp (56)

(Ngày 28, sáng sớm khởi hành qua sông Thị-câu. Đã có
(sẵn 5 thuyền Nội-sai hộ-tổng đon sứ. Giờ Mùi (13-15 giờ)
(đi đến trạm Thọ-xương. Các quan phụng-sai lại trình thụ
(xin các sứ thu lễ-vật trước chưa nhận. Các sứ lại cố tu
(không chịu thu. Các quan phụng-sai (đây trở ba viên nội
(sai nhỏ đi theo lễ-vật) bèn tư-giã ma trở về Kinh. Con
(lễ-vật thì phó cho quan trấn-thủ Kinh-bắc hộ-tổng để đưa
(đến trạm Tiên-lệ, giao cho quan lưu-thủ Lạng-son sẽ sai
(mang đến cửa Quan để tiến-tống các sứ.

(Rạng ngày 29, lên đường qua sông Thọ-xương (sông
(Thượng). Đã có thuyền Nội-sai đon đưa. Giờ Mùi (13-15
(giờ) đi đến trạm Dinh Căn.

(Ngày 30, sáng sớm lên đường. Giờ Mùi (13-15 giờ)
(đi đến trạm Tiên-lệ. Trạm này ở địa-phận Ôn-châu, thuộc
(xứ Lạng-son. Ở đó đã có phu, ngựa chực sẵn để ban-giao

(53) Tiết này trong Lược-biên để lầm vào ngày 24, nhưng Kỉ
sứ và bài báo-cáo nôm nói rõ là ngày 26.

(54) Cũng theo bài báo-cáo ấy thì có lễ Thiệu quận-công 部
tên Trịnh Thực 邦植 và Hoàng quận-công 弘 tên Trần Lương-Quý
陈良贵. Sau này sẽ thấy rằng có một vị pho-mã, Trịnh quận-
công 植 cũng có liên-hệ với châu pho-sứ Chụ Xán.

(55) Trạm Lã-côi không có công-quan; dựng dinh lang làm trú
sở cho sứ, con tuy-nhân thì ngủ trọ nhà dân. Xem (48).

(' lĩnh rồi hộ-vệ rước.

(' Rạng ngày mồng 1 tháng 11 lên đường. Giờ Mùi (13-15 giờ) đi đến trạm Chi-lăng.

(' Mồng 2 sáng sớm khởi hành. Giờ Thân (15-17 giờ) đến trạm Nhân-lí. Bảy giờ, đạo Tả-giang thuộc Thiên-triều có một ống công-văn vua tới. Bên phó cho các trạm dọc đường chuyển đệ về Kinh tiến nạp.

Đúng một tháng trước, khi các sứ tiến qua cửa ải Chi-lăng, ma người Trung-quốc gọi là Quý-môn-quan vì thế đường rất hiểm-trở và quân Bắc đã tử-trận ở đó mấy phen, phó-sư Chu Xán có bài thơ đề:

(' Qua cửa Quý-môn

初過鬼門關

(' Cửa đá cheo-leo gọi Quý-môn
(' Gió thu thâm-dạm bóng hoàng-hôn
(' Từ khi qui-phục Thiên-triều lại
(' Khấp chồn an-nhan chịu Thanh-ơn

岳岳岩闢子鬼門
秋風慘淡日黃昏
自從天仗經臨後
遍地湯池載聖恩

(' Nay trở về ra qua Quý-môn-quan, Chu Xán cho rằng tên cửa không được nữa, bên dõ ra Ủy-thiên (sợ Trời) để tỏ rõ tiết-nghĩa nước ta biết thờ kẻ lớn. Lại đề thơ:

(' Lại ra cửa Quý-môn

再出鬼門關

(' Y quan văn vật trọng Nam-bang,
(' Sao cửa mang tên rất chẳng tương
(' Đề gọi Ủy-thiên nêu nghĩa thuận
(' Muôn năm thề vững chống biên-phương

衣冠文物重南強
何事闕名太不祥
題曰畏天思此美
万年帶砺控炎荒

(' Rạng ngày mồng 3 lên đường. Giờ Thân (15-17 giờ) đi đến trạm thanh Lạng-son. Bảy giờ có sai-quan của đạo Tả-giang thuộc Thiên-triều đem đến một ống công-văn đưa nạp ba vị Khâm-sư.

(' Đêm đến, các quan phụng-sai hộ-tống đem thụ xin các sự thu các lễ-vật. Triều-sư hỏi: ((Có tịn gì từ Quốc-dô gửi đến không? Có gia thêm lễ-vật thế nào không?))

(' Các triều-quan đưa đơn xin ba vị ở lưu lại một ngày tại Lạng-son để đợi tin.

(' Ngày mồng 4, các quan phụng-sai hộ-tống thấy các sứ ra về tục giện, bèn đem 4 thanh gương thiếp vàng đến biểu nhưng chánh-sư MINH không nhận và bảo: ((Bàn đi lấy tiền hay đổi lấy vật khác, cho minh-bạch rồi (56) mới nhận))
(' Các quan phụng-sai, chỉ là làm cho xong việc, nên cũng nghe theo, và vẫn biểu hai quan võ (Binh-bộ sai-quan) 2 tấm đoạn và 2 tấm lụa dày.

(56) Theo tờ báo-cáo nôm sau thì sủng là một vật cấm không được mang về.--Ta đã thấy rằng ngày 19 tháng 10, quan lưu-thủ Lạng-son cho phép mở các phố ban đồ cho sư-bộ (42)

(' Rạng ngày mồng 5 (tháng 11) ra đi. Giờ Ngọ (11 - 13
(' giờ) đến trạm Pha-luy (Đông-dăng) dừng nghỉ. Bảy giờ mới
thấy có ba đạo công-văn của nước ta từ Kinh đệ tới. Quan
Phụng-sai đem thư tới trình bạ vị khâm-sứ. Mở xem thấy nói
(' tặng lễ-vật phần mỗi vị thành 500 lạng ngân-tử, bột phần
(' chụng kê trong các thiệp trước mỗi vị 50 lạng. Phần mỗi
(' người có giữ nguyên, có thêm, có bớt (57)

(' Các sứ thấy có sự bớt phần kê dưới để thêm phần kê
(' trên, thì giận ma không nhận. Các quan phụng-sai khiến
(' thông-sự nhiều lần xin các khâm-sứ lấy cho. Các khâm-sứ
(' bảo các quan phụng-sai đem lễ-vật bày chia ra từng phần
(' riêng rồi bảo các viên tụy-tụng lĩnh lấy phần chụng. Con
(' ba vị khâm-sứ với các quan-gia thì không lấy. Các quan
(' phụng-sai lại có lời xin lĩnh thư trả lời. Các khâm-sứ
(' không nghe. Các quan phụng-sai lại trình rằng nếu không
(' có thư trả lời thì không dám tự-tiện để các người tụy-
(' tụng lấy phần. Các khâm-sứ lại nói sẽ thu theo gián cũ
(' ngay con ở Kinh (58). Các quan phụng-sai không chịu.

(' Khâm-sứ MINH (Đồ) trở về quán. Các quan phụng-sai
(' lĩnh lấy phụng khí-giới để đưa vào cho sứ Minh, nhưng sứ
(' Ô (Hắc) và sứ CHU (Xan) không cho phép. Những khí-giới
(' ấy gồm sung, 2 guom, 4 việt và 2 dong (59)

(' Sáng sớm ngày mồng 6, các khâm-sứ khiến thông-sự
(' thôi-dốc phụ ngựa lên đường đi vào cửa Quan. Chanh-sứ
(' Mịch đi trước. Giờ Tị (9-11 giờ) chanh-sứ Ô đi thứ hai.
(' Con phó-sứ Chụ chưa đi, và sai thông-sự gọi triệu-quan
(' vào họp mặt để thương-nghị. CHU bảo: ((Lễ kia cũng phải
(' bac. Không thể bớt dưới thêm trên, như thế là trái lễ))
(' Y lại bảo triệu-quan làm đơn kê lễ-vật y như trong gián
(' viết hôm trước tại Kinh; rồi hãy đem lễ-vật vào cửa quan
(' để công-dồng thu-nhận. Xong rồi, phó-sứ Chụ mới tiến đi
(' lên cửa Quan. Y lại dự-bị sai-nhân tạm trú ở cửa quan để
(' kiểm lễ-vật rồi bảy giờ mới trao thư trả lời nói chiếu y
(' gián cũ mà thu nhận. Các quan phụng-sai bèn tất cả cùng
(' đem các lễ-vật đến ngoài cửa Quan để tiến-tống, giao phó
(' minh-bạch mới tư-giã ra về, cho xong công-việc. Ba vị
(' khâm-sứ có gián-văn cảm-tạ.

(' Bảy giờ, ngoài cửa Quan có các quan tham-tượng phủ
(' Thái-bình thuộc đạo Tả-giang, cùng thủ-bị hai phủ, châu
(' Bằng-tương (60), họp để nghinh-tiếp ba vị khâm-sứ đi về.

(57) Nguyên-văn chép không được chính-xác: tặng lễ-vật mỗi vị 500 lạng ngân-tử, bột trong thiệp trước mỗi vị 50 lạng. Các vị cũng có để nguyên, tăng, giảm.

(58) Xem trang 45, ngày 26 tháng 10: phần mỗi sứ 360 lạng.

(59) Chỗ này, nguyên-văn cũng không chính-xác. So với bao-cáo nôm thì chữ thương 驗 đây trở sung. 思明

(60) Bao-cáo nôm cho hay có 4 viên quan. Phủ thứ 2: Tư-minh.

(' Các quan ấy đòi lễ-vật theo phép cũ, Mỗi vị đòi tiền đưa
 (' đon là 30 lạng ngân-tử và tiền mở Cửa Quan. Quan phụng-
 (' sai thấy tạ không dự-bị ban lễ-vật về các việc ấy, bên
 (' chỉ lấy món bạc nguyên danh 15 nén để tặng riêng, nhưng
 (' chưa đưa cho khâm-sứ, đem biểu mỗi vị kia mỗi vị 1 nén.
 (' Các quan đạo Tả-giang ấy thấy lễ ít thì không nhận. Các
 (' quan phụng-sai thấy sự thế như vậy, lưỡng-lự, nhưng lại
 (' sợ lam bậy không đúng phép, bên lên voi ngựa trở về Đông-
 (' dăng. Các quan đạo Tả-giang lại sai người cùng thông-sự
 (' người Bắc đuổi theo đến Đông-dăng, đòi thu số bạc theo
 (' lệ cũ. Các quan phụng-sai lấy 4 nén (61) nộp cho kẻ sai-
 (' nhân. Và lại cho người mở cửa Quan và viên thông-sự bạc
 (' khai-quan-lệ, là 1 nén lẻ 3 lạng: cộng hết 5 nén 3 lạng.
 (' Lúc ấy bọn chúng nó lại đột-nhập vào nhà quan tham-đốc
 (' Ninh-xá-hầu, là phiên-thân, cướp khí-giới và tiền (62)
 (' mà đem về. 宇舍侯 (考德勝)

(' Ngày mồng 7 (tháng 11), sáng sớm, các quan phụng
 (' sai lên đường về thành Lạng-sơn. Ở lại đó hai hôm, viết
 (' khai để cho đệ về tiến triều-đình.

(' Ngày mồng 8, viết xong tờ khai, giao cho trạm chạy
 (' chuyên về Kinh-tiến-nạp (Xem sau). Lại thấy quan thu-
 (' bị sai hai người, họ Đặng và họ Trình (quan Thanh) mang
 (' tới 2 ống công-văn. Một ống thì giao cho trạm lĩnh và đệ
 (' về dâng Quốc-vương. Một ống thì lưu lại tuy-thân ở Lạng-
 (' sơn, đợi các sai-quan mang đi về Kinh mới dâng.

Sau đây là lời khai bằng Việt-ngữ chữ nôm:(xem ảnh)

(' Phụng-sai TRỊNH THỰC, TRẦN LUƠNG-QUÍ, NGUYỄN TRẠC -
 (' DỤNG, NGUYỄN CÔNG-NHO dâng cần -- khai (63) :

(' Động lạy (64) -- ĐỨC VƯƠNG muôn muôn năm NGỰ hay:

(' Chúng tôi vâng tiến Triều-sứ, mồng 3 đến THÀNH ĐOÀN.

(' Sáng mồng 4, đem giã vào. Họ MINH mắng rằng: ((Nước sao

(' ở nguy-quái (65). HOÀNG ĐẾ sai quan ấy (66)ra sách phong

(' đặc-ân tứ-tuất, các việc đã rồi. Sự lễ tấn(67) sao khinh

(' dễ quan ấy nhèn-mọn, mà đem bấy nhiêu lạng bạc. Xua-xâm

(' (68) từ ngày 26 đến rày, lại đem vào! Nào quan ấy có khó

(61) Nguyên viết Dật 鎰. Génibrel nói ấy là 24 lạng như đời xưa. G.Hue nói có thể là 16, 20, 24 hay 30 lạng. Nhưng theo tờ khai nôm sau thì ấy là nén, tức là 10 lạng -- (62)Thư-sai Thanh tham-nhưng và bạo-ngược như chuyện Vương Quốc-Trình. Xem trang 8. -- (63) Nghĩa: chúng tôi kính trình. Hai dấu gạch trở sự dại để tỏ sự kính. -- (64) Động: tâu. Đây là lời tâu về chùa Trịnh Căn. Ngự: tiếng kính, --(65) Nguy quái 詭恠: trái phép xằng-xiên. -- (66) Trở chanh-sư ở Hắc.

(' bấy nhiêu lạng bạc ru! Dể quan ấy là người Mãn-châu, dãi
 (' thậm khinh-bạc.))
 (' Lại mắng đến sự sứ năm trước, Triều-dình ((chọn của
 (' cống-vật khinh-bạc xấu-xa: hương nát, vàng xấu, lụa thua.
 (' Khiển bác hoàn (69), nhưng sợ lòng HOÀNG ĐẾ không-khen
 (' nước NAM văn-hiến cung-thuận chi quốc (70), chẳng có lòng
 (' khinh-bạc. Hãy tạm thu lấy; sẽ cho người thám xem . Vì
 (' vậy, phải sai quan ấy là người Mãn-châu, triều-dình nhĩ-
 (' mục (71), dòm xem hậu bạc lòng nước NAM thế nào? Chẳng
 (' ngờ khinh-bạc ngụy-quái. Thật chẳng biết công ơn quan ấy
 (' vạn lí trường trình, đa thiếu phong sương lao-khổ, nhân
 (' tử, mã tử (72). Lại mất một phó-sứ họ TÔN. Kìa họ Chu
 (' thì hết 4 người. Họ Ô thì hết 2 người với 3 ngựa. Họ Mi-
 (' nh hết 3 loa (73). Mà cho bấy nhiêu của đã đủ chi!))
 (' Thấy vậy, chúng tôi nói rằng: ((Bản-quốc một lòng
 (' cung-thuận; lục niên lưỡng cống (74), chẳng có khinh mạn
 (' thất lễ. Nhược bằng lễ này, vốn cứ cụu-lệ, trong ấy so
 (' đã còn phần hơn. Ngai dạy rằng những lời thế ấy, bằng
 (' đường (75) chữa cam))
 (' Quan ấy rằng: ((So với năm trước, họ Lí sang sách
 (' phong, họ Ngô sang tứ-tuất (76), hai ấy là nghĩa anh em.
 (' Quan ấy trảy ra, đã đến nói cùng hết mọi lời sự lễ-nghĩa
 (' làm vậy. Bấy giờ chẳng tày một phần (77). Quan ấy chẳng
 (' khó bấy nhiêu của))

(67) Tức là lễ quĩ-tần, xem trang 44 -- (68) Nhèn: nhỏ hẹp
Xua-xâm: Nguyên viết 樛枕 âm Hán-Việt, là Xu Châm, nhưng chắc
 đây là tiếng nôm. Chữ dẫu đọc Xua thì dung ý, vì ý là: xua
 dấy đi không nhận. Tin rằng đây là một thanh-ngữ cổ như các
 tiếng xô-xâm, giô-giâm trong tự-vị Huynh Tịnh-Của chu thích
 nhâm-nhũa, tôi tạm đọc Xua-xâm với nghĩa xua dấy.--(69) Báo
 từ-chối không nhận, và trả lại -- (70) Khong: khen ngợi. Chi
quốc之國, đặt theo cú-pháp Hán-văn -- (71) 朝廷耳目: tai mắt của
 triều-dình. Bức thư này chung sự dưới triều Thanh, quan nói
 Mãn-châu được đặt trên quan nói Hán, nhưng vẫn sợ người Hán
 khinh -- (72) Hán-văn nghĩa: đi đường vạn dặm, khó-nhọc vì
 sương gió, người và ngựa bị chết -- (73) Loa 騾: con lừa và
 ngựa giao-cấu -- (74) Cứ 6 năm họp 2 lễ cống. Xem trang 1.

(' Một hai chẳng lấy mà thoái. Thấy vậy, chúng tôi lại
 (' nài rằng: ((Luận thừa công-trình vạn-lí, biết ra cơ nào
 (' cho xứng (78). Song le, lễ bất túc, kính hữu dư(79). Xin
 (' Ngài nhậm (任) lấy cho kẻ tùy-tùng vậy))
 (' Nhung quan ấy cũng chẳng nghe. Đến ngày mồng 4, quan
 (' ấy cho người quản-gia bảo chúng tôi rằng: ((Làm đơn thân
 (' khất xin quan ấy ở lại, ắt chịu lấy giản cho))
 (' Vì vậy, chúng tôi y như vậy. Dem giản vào. Lại bác
 (' ra. Đến ngày mồng 5, ở dịch Đồng-dăng, vâng thấy giản
 (' lên (80). Dem vào. Quan ấy chịu lấy. Dem lễ-vật vào nạp.
 (' Phân đã việc rồi, lại khiến chúng tôi vào, mắng rằng:
 (' ((Giản sao diên-đảo, bót của dây tó cho thầy ! Công nó
 (' khó nhọc. Phóng thu những lễ dây tó. Lễ quan, thì đình
 (' lại, bác ra (81)))
 (' Đến ngày mồng 6, họ MINH, họ Ô trảy khỏi. Chúng tôi
 (' vào cùng họ CHU, trần-tình rằng: ((Cũng tư đạo (82), xin
 (' có lời cùng hai quan ấy))
 (' Họ CHU rằng: ((Sẽ liệu cho. Giản này giảm hạ ích th
 (' uọng; sự ấy chẳng nên. Ra viết đơn chiếu-thứ giản-văn.
 (' Sẽ chịu (83)))

(75) Ý lạ: đến như lễ này, nếu so với lệ cũ thì nó có phần hơn -- Bằng dương: hình như; tiếng lịch-sự(76) Họ Lí: chung như muốn trở Lí Tiên-Căn 李仙根 chang-sư tới năm 1669, nhưng mục-dịch là để bảo vua Lê trả đất Cao-bằng cho họ Mạc, chứ không phải để sách-phong. Thực ra thì Trịnh Phương-Triều 程芳朝 mới là chanh-sư sách-phong vua Huyền-tông năm 1667. -- Họ Ngô: là Ngô Quang 吳光 chanh-sư dụ-tế vua Thần-tông năm 1664. -- (77) Trong đoạn này, sợ bản soạn có chữ sai sót vì ý nghĩa không rõ-rang. Hoặc chẳng chỉ vì văn xuôi xưa không gãy-gọn. Theo ý, tôi hiểu rằng: hai vị sứ trước đối với vua quan ta là ngang hàng, vậy lễ tận thế nào cũng được. Còn đối với chanh-sư 0 là kẻ thân-tín của triều-đình thì phải trọng hơn. Thế mà lễ đưa chỉ bằng phần nhỏ lễ trước. -- (78) Thừa nghĩa là của nó, theo cú-pháp Hán-văn. -- Cơ nao: chung nao. (79) 礼不足敬有餘: phương-ngôn nghĩa là: lễ thì không đủ nhưng lòng kính thì thừa nhiều. -- (80) Vâng: dịch chữ Phụng, dùng để tỏ lòng kính cho động-tư đứng sau. -- Giản lên: thư tư Kinh gửi lên. -- (81) Phóng thu: thu theo số. -- (82) Tư đạo 斯道: ý cũng như tiếng Tư văn, trở nhóm nho-giá. Trong ba sứ, chỉ có Chu Xán là chân khoa-cử và có lễ-dộ, cho nên

(' Thấy vậy, chúng tôi cứ viết đơn thân (84), ủy sai tiền
 (' tổng phụng Quốc-vương mệnh, kê khai quỹ-tần lễ; theo lên
 (' cửa ải. Người nhà họ MINH ra đòi 2 nén bạc với một cái
 (' súng. Song le súng cấm-vật, chẳng dám. Nhân vậy, Trịnh
 (' Thực, Trần Lương-Quý dâng (85) thế 4 cái việt, 2 cái dòng
 (' 2 cái gương. Với 2 nén bạc dư cho nó, mới trọn thu lễ.
 (' Lại cho thông-sự nước người hết 1 nén 3 bạc. Bấy giờ mới
 (' chiếu đơn thân, thu tần-lễ.
 (' Cho đến khi việc rồi, chúng tôi xin nộp tấu bản thân
 (' văn, cống-kì tạ-ân, tỉnh tiếp dẫn Ngụy-Mạc (86) các gián.
 (' Quan ấy rằng: ((Chỉ tri nhất sự (87)); chẳng chịu lấy cho.
 (' Lại thêm có quan tham-tướng, đốc-bị Tả-giang đạo Tư-
 (' minh phủ, 4 vị (88) ra ngồi đấy, đòi lễ chí-kiến (89),
 (' mỗi vị là 8 nén. Chúng tôi thưa rằng: ((Vốn lệ chẳng có))
 (' đến hai ba lần. Người hai một chẳng nghe. Bất đắc dĩ phải
 (' nộp cho 4 nén.
 (' Bấy giờ cũng có Cậu CHU (90) vệ-tổng tần-lễ đấy. Cậu
 (' ấy cũng có xem sóc.
 (' Ấy bấy nhiêu việc đường ấy. Bằng sự Cam-kết, gia o-
 (' phó đã có Tham NINH cùng dâng quan giữ ải (91).
 (' Các việc hoàn-tất, khải về Triều.
 (' CHÍNH HÒA QUÍ HỢI tứ niên, thập nhất nguyệt, sơ bát
 (' nhật (92)

các quan phụng-sai kéo cánh và nhờ giúp; --(83) Giảm hạ ích
thượng: bớt phần kẻ dưới để thêm phần kẻ trên -- Chiếu-thư
y la y, theo thư cụ. -- (84) Thân: thưa với các sự. 𠄎
 (85) Dâng: trở nhóm nhiều người làm một việc. --(86) Tỉnh:
 gồm vội. Đây muốn nói đến sự xin hoãn lễ tạ-ân đến kì tuế-
 cống và sự tiếp nhận đồ-dâng họ Mạc mà quan Thanh bắt nộp
 cho tạ.-- (87) Chỉ biết một việc ma thôi.-- (88) So với đã
 chép ở trang 51. Đốc-bị thì trên kia chép Thủ-bị.--(89) Chí
kiến 贄見: lễ biểu khì gặp nhau, khì ra mắt. Chỉ có khì sự
 ta vào cửa ải, mới phải biểu lễ chí-kiến. -- (90) Cậu Chu:
 đây chắc trở một viên nội-giam trẻ, người thân-tận của Chùa
 Thương tiếng cậu trở con nhà quan, nhưng cũng thương trở các
 gia-nhận trẻ nhà quyền quý, và riêng trở các viên nội-giam
 (91) Bằng: còn như, đến như -- Cam-kết: trở thư trình bộ Lễ
 xin giữ ải An-nam Quốc-vương cũ lại. Xem trang 44, chuyện
 ngày 24 tháng 3. -- Tham Ninh: tham-đốc Ninh-xa hầu.X.tr51

GIAO-TẾ RIÊNG GIỮA SAI-VIÊN THANH VIỆT

Đọc tờ trình trên, ta cũng đủ thấy sự bức tức của các phụng sai tiền-tổng ta trong mấy ngày cuối giao-tế với các Thanh-sứ. Chanh-sứ Ô Hắc cầm đầu sứ-bộ được chọn bởi vì là người Mãn-châu, là tai mắt của Thiên-triều. Trong giao-tế hình như y không tiếp-xúc với các quan ta, mà chỉ sai chanh sứ Minh Đồ trực-tiếp đòi hỏi và sách-hoạch. Một lệ thường xưa là trong một sứ-bộ phải có một tay văn-học biết lam thơ, nhiều kiến-văn học-thức, để đối đáp với người tài giỏi nước ngoài. Trong vụ sứ này, Chu Xán là người hạng ấy.

Chu Xán người làng Lê-sơn, đạo Quan-trung, tỉnh Thiểm tây. Đậu tiến-sĩ năm 1659 khi còn trẻ tuổi. Theo lời trong một bài bài thơ thì năm y đi sứ nước tạ, 1683, tuổi mới gần năm mươi. Theo ý trong các thơ thì y sớm bỏ tư-chương, để hượng về luân-ly và chính-trị theo nho-giao. Ngoài các văn sách-phong và dụ-tế, chắc rằng Chu Xán đã thảo các văn-kiện khác liên-quan đến vụ sứ này. Tập SỨ GIAO KÍ SỰ mà tôi đã dịch trên chắc cũng tự tay y thảo.

Trong sách Kiến Văn Tiểu Lục, Lê Quý-Đôn đã nói nhiều về Chu Xán mà ông gọi là Viên Xán 袁燦 ở hai thiên. Trong mục Thiên -chương, ông chép: ((Sứ Thanh Viên Xán, khi tới nước tạ, có viết tập Sứ Giao Kí Sự và phụ thêm một phần gọi là Sứ Giao Ngâm 使交吟. Có tổng-dốc Lương Quang Ngô Hưng-Tộ 吳興祚 và tuần-phủ Lí Sĩ-Trình 李士楨 đề tựa...) Quý-Đôn có trích những lời tựa ấy và phát-biểu lời khen rằng: ((Tôi xem thấy rằng bọn Minh Đồ, Viên Xán tới, qua lại không qua 1 tháng 8 ngày mà thôi. Thế mà khi vào nước tạ, hội phong tục, đã khá biết đại-khai. Và chằng chằng thu đáp có lẽ-dộ, nói chuyện khá đôn-hậu (Chắc rằng Quý-Đôn không được đọc sách Lược-biên), biên chép đề-vịnh thì rạ ý biệt-dải nước tạ. Ghicập chế-dộ, lễ-nghi, phong-tục, khí-hậu cũng đúng và rõ)) Lại trong mục Tai-phạm, Quý-Đôn chép thêm rằng: ((Xán có tiếng hay thơ. Y gop các thơ vịnh núi sông, thơ cúng bần và khách tặng đáp, hoặc thể thất-ngôn, hoặc thể tứ-tuyệt, tất cả 48 bài, thành tập gọi là Sứ Giao Ngâm. Khi về, y tiến lên Vua, Y có câu thơ " Ý quan văn-vật trọng Nam-cương " (93) và có chú-thích rằng: " Nước này có những người giỏi lí-học như Trình Tuyên (Nguyễn Bình-Khiêm), Vũ Duệ, Nguyễn Đăng-Cáo, Hồ Sĩ-Dương; giỏi kinh-tế có Mạc Định-Chi, Nguyễn Trung-Ngạn, Nguyễn Trãi, Lương Thế-Vịnh. Con nổi tiếng về văn học thì nhiều lắm, ở Trung-quốc tung nghe danh từ lâu " Trong vụ sứ này, các triều-sĩ giỏi như Nguyễn Đình-Trụ, Trần Thọ, Tống Nho, Vũ Duy-Khuông được mệnh sai đôn tiếp; Nguyễn Công-Vọng Lê Hi, Nguyễn Đình-Côn, Hoàng Công-trí bạn-tiếp ở công-quan Gia-quất; Nguyễn Trạc-Lụng và Nguyễn Công-Nho hộ-tổng, đều

(92) Ngoài một số tiếng cổ như Động, Không, Xua-xám, vân vân, Việt-ngữ không thay đổi gì lắm trong hơn 200 năm.
(93) Xem bài Lại ra cửa Quý-môn dịch ở trang 49.

cộ thi-chương tặng, hoặc thể thất-ngôn, hoặc thể tứ-tuyệt, cậ thấy 34 bài. Xan đã gộp lại thành tập, gọi là Nam-Giao Hào Âm, phụ vào sách trên. Xan sai khắc bản để truyền lại. Nhưng sự ấy tỏ rằng y coi văn-hoa nước ta lam trọng))

Tôi chưa được thấy hai tập thơ này, nhưng cũng đã đọc một số thơ kia chép phụ sau tập Lược-biên. Tập thơ phụ này gồm 59 bài, trong đó cộ 26 bài bát-cú và 33 bài tứ-tuyệt. Các thơ đều bằng câu bảy chữ. Một số thơ có bài dẫn cho hay mục-dịch hoặc y-nghĩa thơ.

Về Chu Xán, tập Lược-biên giữ được 8 bài bát-cú và 8 bài tứ-tuyệt. Ngoài hai bài đề Quý-môn quan đã thấy có hai bài tiễn bộn triều-quan đôn-tiếp (Nguyễn Đình-Trụ, Trần Thọ, Tống Nho và Vũ Duy-Khuông), hai bài tiễn hai triệu-quan hộ-tống Nguyễn Trạc-Dụng và Nguyễn Công-Nhọ (94). Còn các bài khác thì thuộc loại lí-học và nho-học mà Xan đã lam sẵn và bầy giợ đem cho các triều-quan ta xem. Sau đây là hai bài tặng các quan đôn tiếp khi về đến Lạng-son: (phỏng dịch)

(Năm Quý-hội ngày mồng 3 (tháng 11) lưu-biệt 4 triệu-quan
(An-nam: Nguyễn Di-hiền (Đình-Trụ), Vũ Ba-am (Duy-Khuông)
(Tống Han-hiền (Nho), Trần Nhuận-phủ (Thọ)

(Mở Quan tỏ rạng mặt trời 其二: 開門曉日拜天顏

(Nhìn ra được thấy con người Nam-bang 得識南郊青瑣班

(Đêm kia mưa gió ngút rừng 記得深林風雨夜

(Cã người đi cạnh vượt vùng Trà-son 多君相伴出茶山

(Núi dèo dằng-dặc nghìn trùng 其二: 迢迢關河幾萬里

(Ân-cần xướng họa suốt chùng tháng nay 慇懃酬唱路三旬

(Người khôn gặp-gỡ quý thay 達人傾蓋千秋重

(Quay nhìn sẽ nhớ chốn này xa-xăm 回首天涯憶九真

Nguyễn Đình-Trụ và Vũ Duy-Khuông có thơ họa, nhưng ý và lời đều sáo và lạt-lèo. Hai vị ấy với Tống Nho cũng đều có họa những bài thơ Chu Xán đã đưa cho xem. Ý cũng ở trong khuôn-khố Nho-học và lời trịnh-nhã chỉ cộ tính-cách lễ-dộ. Chỉ thấy một bài thơ thật có lời tiễn sứ, ấy là bài cộ đề:

(Binh-bộ Nguyễn Công-Nhọ tiễn triều-sứ Chu một bài:

(Khoa-danh rạng mặt hiền-lương 途由科出著賢良

(Bày ra trong các thi-chương sứ-thần 施用歌成四牡章

(Mười hàng chiếu ngự khâm ban 丹詔十行高托闕

(Xe loan vạn dặm định an Nam-thùy 金鸞萬里肅南方

(94) Đề của hai bài này là: Lễ-bộ lang-trung CHU thảo lưu-biệt hai vị quan triều An-nam Nguyễn Lương-chanh 阮良政 và Nguyễn Hanh-nham 阮衡若. Tôi tin đó là hai vị này.

- (' Mặt trời rạng-rỡ tinh kì 雍容礼樂人爭看
 (' Ung-dung lễ nhạc dân thì tranh coi 燦爛旌旗日照光
 (' Lấy chi đem tiền-tặng Người 茲餞行塵何以贈
 (' Kính mong huân-nghiệp muôn đời nêu danh 敬將勲業等天長

Ngày xưa những sứ-thần thường đưa người thân đi theo để giúp đỡ trong các việc công tư. Những người ấy được gọi là gia-nhân, Trọng gia-nhân, thương cơ người, cơ văn-học, để gây thiện-cảm với người ngoài, mà cũng để bà-con được hưởng cái thụ viển-du và những vinh-dự của sứ-bộ. Tập Luộc-biên có chép: ((Lê-bộ lang-trung, Chu Xan cơ người châu ruột tên là Lư Anh-Nhân (95), theo mình làm quan-gia. Y kha, thông văn-lí. Khi về đến trạm Đông-dăng, y biểu tộ một cái quạt và đề hai bài thơ, trong đó một bài riêng gửi cho vị phò-mã Trình quận-công 慎郡公. Lại có biểu tộ một tập 10 bài tự-tuyệt. Ấy chỉ vì chúng tôi đã cùng ngồi nói chuyện tại Cần môn (96); đến bây giờ y thuật lại tình ý cũ)) 乾門

Bài tặng quạt cho Nguyễn Công-Nhọ như sau (phỏng dịch)

- (' Núi Trà dùng ngựa dạo chơi 駐馬茶山撒步遊
 (' Gặp Ông tài-diệu hơn người Kinh-châu 逢君才調勝荊州
 (' Duong-xuân bạch-tuyết lâu lâu 陽春白雪翻天送
 (' Quỳnh-hoa lãng-uyển nhiều câu hữu-thần 浪花琼花片又投
 (' Đạo đồng, xa cách cũng gần 同道天涯能咫尺
 (' Kỳ-duyên một bữa cũng bằng nghìn thâu 奇緣一日重千秋
 (' Lấy gì vội-vã tặng nhau 獨嫌倉卒無相贈
 (' Hoa mai này quạt trao đầu dôi cao 紙扇梅花寄童頭

Bài gửi Phò-mã Trình quận-công: (phỏng-dịch)

- (' Tinh kì rực-rỡ trời Nam 旌旗冉冉出南天
 (' Nước non từng cách đã vắn muôn năm 焚水巫山限萬年
 (' Mộng lìa mây nguyệt luống xâm 雲月無情侵別夢
 (' Sương mai như lệ toan cầm dây cương 露梅含淚送歸鞭
 (' Cách quan hà, hợp văn-chương 關山縱隔文章合
 (' Cột đồng chia rẽ, khí càng vững cao 銅柱豈分意氣堅
 (' Hẹn nhau xướng họa chốn nào 欲訂重攜敲韻處
 (' Khói che ngàn liễu lẫn màu trời xanh 碧雲落柳重烟

(95) Nguyễn-văn là thân tôn 親孫, ý là cháu ngoài vì họ khác với Chu Xan. Nhưng theo lời Chu " Kim niên cận bán bách 今年近半百 thì năm 1683, Chu mới gần 50 tuổi. Vậy khó mà có cháu đã làm thơ được như Lư Anh-Nhân. Hoặc giả đó là cháu ngoài hàng diệt chằng. -- (96) Cần-môn 乾門 có lẽ trở trạm Cần-dinh

Đến như tập Giao Hành Thập Tuyệt thì tôi đã trình và phỏng-dịch ở trang 27. Sau đây thêm lời dẫn mà tác-giả đã viết thành lời trình vị phò-mã Trình quận-công:

(' Từ lâu được nghe tiếng Ngài. Chưa có cách gì được
(' nghe lời dạy. Tình cờ khi dừng xe, may được gặp Người.
(' Lập tức được bạn thi-tư. Lời lời châu ngọc. Tôi rất muốn
(' nắm tay Ngài để chuyện-trò cặn-kẽ, để thoa long hâm-mộ
(' tư trước. Nhưng khốn nỗi bạn tôi thúc-giục, cho nên mới
(' gặp liền lìa, khiến lòng tôi bồi-hồi không yên. Nay chủ
(' ý nhớ đến phong-thần Ngài, rất mừng được tâm đầu ý hiệp.
(' Vậy tôi gắng làm một bài thơ viết lên quạt để hiến. Lại
(' đem mười bài tứ tuyệt GIAO HÀNH chép lại để mua cười.
(' Mong Ngài xét chữa cho; thế là may lắm lắm.

Bài thơ đề quạt là bài tôi đã trình trên. Nhưng vị phò mã này thì tôi không biết tên gì và sự-nghiệp ra sao mà Lu Anh-Nhân tỏ ý khâm-phục như vậy. Phò-mã ấy không có dịp gặp lại họ Lu, cho nên chắc rằng y không có thơ họa đáp. Trai lại, Nguyễn Công-Nho bạn-tổng sư-bộ đã họa lại vua thơ Lu tặng, vua mười bài Giao Hành. Sau đây là phỏng-dịch bài thơ họa tám câu bảy chữ:

(' Trên đường dịch-lộ quen nhau	驛路相逢暫共遊
(' Thấy Ông từ-diệu đứng đầu văn-nhân	定知詩句勝茲州
(' Khiến người ngâm thú vô-ngần	供吟妙律令人興
(' Minh-châu bày tỏ thêm phần sáng trong	的是明珠不暗投
(' Rồi ra cách biệt muôn trùng	自別兩途乃萬里
(' Tương-tư một bữa ví cùng ba thu	相思一日直三秋
(' Bày tình quyến-luyến dễ dâu	促情纏繞無容已
(' Tiễn đưa mượn bút khấn cầu bình-yên	為餞平安寓筆頭

Còn như mười bài họa Giao Hành thì không tả cảnh dọc đường như các bài của Lu, mà chỉ có tính cách tan-tụng và tả tình quyến-luyến.

Nguyễn Công-Nho là ai? Là một văn-quan tại triều lại được cử vào ban đưa đón sứ, y phải là một kẻ khoa-danh nổi tiếng đương thời. Thế mà trong các sách Lê-sử Tục-biên cũng Lăng khoa lục đều không thấy tên ấy trong khoảng thời-gian này, tuy rằng thời bấy giờ có đến bốn người họ Nguyễn tên Nho có danh-vọng. Đó là Nguyễn Quán-Nho và ba tên Nguyễn Danh-Nho.

Nguyễn Quán-Nho 阮爾儒 (1638-1709) đậu tiến-sĩ năm 1667 bảy giờ đã 46 tuổi và vào hàng quan cao (pho đô ngự-sứ năm 1684); vậy không vào hạng sung chức bạn-tổng. Thế thì Quan

Lẽ dầu là theo các sách Thiên tải Nhân đàm và Trịnh lục Yếu lược thì ở trạm này có miếu Can. Theo bài thơ của Lu tặng

Nho không phải người mang tên Công-Nho trong vụ đưa đón sứ này.

Còn ba người mang tên Nguyễn Danh-Nho thời ấy mà nay thấy chép trong Đăng khoa lục, thì một người quê huyện Cầm-giang, một người quê huyện Đông-ngân và một người quê huyện Tiên-du. Người cuối này đậu tiến-sĩ năm 1673 năm 24 tuổi và mất khi mới 31 tuổi, nghĩa là mất năm 1680. Như vậy thì người này không thể dự vụ đón sứ năm 1683 được.

Hai người kia đều đậu tiến-sĩ năm 1670, khi người số một 33 tuổi và người số hai 24 tuổi. Vậy năm đón sứ người đầu 46 tuổi, người thứ 37 tuổi. Sách trên cho biết thêm về người đầu: quê xã Nghĩa-phụ, có đi sứ, làm quan đến Hộ-bộ hựu thị-lang tước Nam, sau tặng Công-bộ tả thị-lang tước Tử. Và về người thứ: quê xã Vĩnh-câu, làm quan đến chức đô khoa (đô cấp-sự-trung) và thuộc một họ thế-khoa nghĩa là có nhiều người đậu đại-khoa (10 người trong đời Lê) (Quyển 1, trang 26a)

Trở lại tập Lược biên. Trong vụ sứ này, ngoài những tên Tống Nho và Nguyễn Công-Nho, cũng có Nguyễn Danh-Nho, bấy giờ giữ chức Phụng-thiên phủ phủ-đoan cầm phai-bộ tiếp sự-bộ tư-tuất ở trạm Lữ-côi, cùng Nguyễn Công-Nho bấy giờ ở mọi có chức Binh-khoa cấp-sự-trung (Phủ-đoan vào hàng chanh ngũ phẩm, còn cấp-sự-trung vào hàng chanh bát phẩm) (97) Ông tiến-sĩ nào là ông phủ-đoan này? Phỏng chừng đoán thì không thể là ông quê xã Vĩnh-câu, vì ông này chỉ làm quan đến đô cấp-sự-trung dưới ham phủ-đoan 4 phẩm, trừ phi ông đã phạm lỗi nặng mà có lần bị giáng chức. Chỉ có Gia-phá may gì mới biết điều này. Hiện nay, ta có thể tin rằng ông phủ-đoan là Nguyễn Danh-Nho người xã Nghĩa-phụ, huyện Cầm-giang, xứ Hải-dương. Vậy thì Nguyễn Công-Nho tức là Nguyễn Danh-Nho người xã Vĩnh-câu 詠樓 东岸, huyện Đông-ngân, xứ Kinh-bác (98). Con có điều thắc-mắc là trong Đăng khoa lục có chép tên ông tại 9 chỗ khác nữa vì họ ông có 10 đại-khoa, mà chỗ nào tên ông cũng đều khác Danh-Nho. Vậy chữ Danh 各 không phải là chữ Công khắc lầm ra. Thế thì vì sao Lược biên và sách Lê Quý-Đôn đều chép tên Công-Nho? Có lẽ chỉ khi đậu rồi, làm quan mới đổi chữ lót để tranh sự tên trung với ông kia. Một phủ

Nguyễn Công-Nho thì hai người đối-thoại ở Trà-sơn (trang 57) và theo Kỉ sự thì Trà-sơn tức là trạm Cần-dịnh (trang 12). Chu Xán có nói rằng chốn này là nơi dương rung mở rộng như qua cửa, cho nên thổ-dân gọi nó là 甘格 (Can cộ) mà tôi đã đoán là canh cửa. So với hai tiến Can-môn thì hoặc đó bởi Can cửa mà ra chăng? -- (97) Xem Phạm Huy-Chú, Lịch triều Hiến chương Quan-chức chí Bản dịch Sử-học Tập II trang 15) -- (98) Nguyễn Danh-Nho người Hải-dương có tiếng hay chữ và còn dấu-tích nhiều. Trong các Địa-chí về Hải-dương đều chép rằng: " Ông có văn-tại mau và đẹp, hạ bút thanh ngay. Người ta gọi ông là dật-tiên (tiên ở ẩn trên đời) hay là Quyển-long (rồng cuộn). Đậu tiến-sĩ đời Vĩnh-trị, thì Đông-c a c

chúng là chuyện ông Nguyễn Danh-Nho thứ ba, người xã Lũng-son, huyện Tiên-du, đậu đầu khoa Đông-các năm 1676 đời Vĩnh-trị đã phải đổi tên ra Nguyễn Nho. Đăng khoa lục, quyển 1, trang 29a, chép về khoa ấy tên Nguyễn Nho và chú-thích rằng nguyên là Nguyễn Danh-Nho.

Tôi đã cố tìm tung-tích Nguyễn Công-Nho vì tôi đã tin rằng chính ông là người đã tập-biên sách

" Thiên-triều Khâm-sứ Sách-phong Tứ-tuất nhị bộ
Phụng sao Lược biên dĩ tiện quan lãm "

mà tôi đã gọi tắt là tập Lược biên và tôi đã dịch và dùng. Tôi sẽ trình bày những chứng-cứ sau. Như trên đã chép, phải bộ tiên-tổng các sự đến Nam-quan gồm 2 võ và 2 văn-thần là Nguyễn Trạc-Dụng và Nguyễn Công-Nho. Cả bốn viên này đều kí tên tờ khai nôm đã thấy trên. Ngoài những bài thơ các bạn-thân họa thơ Chu Xán, ta chỉ thấy trong Lược biên một mình Công-Nho có thơ tiễn chực Chu Xán được chép lại. Ý chung vì kẻ gộp thơ chính là ông. Trong khi xuong họa với Lu Anh-Nhận ở Đông-dăng chắc cùng có mặt Trạc-Dụng, mà Lược biên chỉ chép những thơ họa của Công-Nho mà thôi. Trong lời dẫn ta cũng thấy rõ tác-giả lời dẫn là kẻ được tặng thơ, nghĩa là Nguyễn Công-Nho.

Ấy vậy, nhờ hai nhân-vật của hai nước, TRUNG và VIỆT Chu Xán và Nguyễn Công-Nho, đã dám-dạng cộng-vụ cạnh nhau trong hơn một tháng trong năm 1683, và nhờ một sự tình cờ độc-đao, mà ta còn được đọc hai tập kí-sự của hai người và được biết rất tinh-tương những sự-kiện xảy ra trong thủ-tục bang-giao thân-thiết giữa hai nước trước bây giờ gần 300 năm. Không những về sử-học và xã-hội-học, ta có một thí-dụ dễ khảo-cứu một cách chính-xác và sâu-xa, mà đối với cổ-ngữ Việt-nam, ta còn có một tài-nguyên chắc-chắn với tờ khai nôm còn lưu lại. Vì những sự-ích-lợi ấy, mong độc-giả cảm-thông sự tôi đã cố gắng khảo-cứu rơm-ra.

HÀ-NỘI 1947 -- PARIS 1977

đậu đầu. Được bổ tả-ti-gián. Thấy việc trái dạm mách. Trái các chức hiên-sát-sự, thượng-bảo tự-khanh. Lam đốc-chiến trong vụ giặc Nùng ở Hưng-hoa Tuyên-quang; được thăng Công bộ hữu thị-lang. Đi sứ. Mất. Được tặng Hộ-bộ hữu-thị-lang. Có điều chép trên không đúng: ông đậu tiên-sĩ đời Cảnh-trị chứ không phải đời Vĩnh-trị. Và lại Đăng khoa lục không chép ông đậu Đông-các mà có chép Nguyễn Nho, nguyên tên là Nguyễn Danh-Nho người huyện Tiên-du đậu đầu khoa Đông-các đời Vĩnh-trị. Việc đi sứ thì có chép trong Lê sử Tục-biên.

BẢNG CHỈ TÊN NGƯỜI

- AN-GIANG hầu 安江侯: tước quan tham-tụng thượng-thư bộ Lễ, mà vua sai ngay 15/10 biện-bác về lễ qui đôn sách-phong (22)*
Không rõ chắc là ai, nhưng có thể đó là NGUYỄN MẬU-TÀI.
- BÁ-AM 柏庵: hiệu của VŨ DUY-KHUÔNG. Cũng đọc Bách-am.
- CẨM-LỘC hầu 錦祿侯: một nội-sai của Chúa. Ngày 16/10 đưa cỗ tới Công-quan mời các sứ (32)
- CẨM-PHÁI nam 錦泳男: tước của UÔNG NHỰÊ
- CẨM-TRẠCH hầu 錦澤侯: một nội-sai của Chúa. Ngày 23/10 đưa cỗ yến đến Công-quan mời các sứ (42)
- CHỈ-ĐUÔNG nam 砥堂男: tước của NGUYỄN ĐÌNH-TRỤ
- CHU XÁN 周燦: phó-sứ sách-phong 1683, quán Lệ-sơn, đạo Quan-dông, tỉnh Thiểm-tây. Đậu tiến-sĩ. Có làm thơ và các tập Sứ Giao kí sự và Nam-giao hảo âm (10,29,46,50,51,54)
- DI-HIÊN 怡軒: hiệu của NGUYỄN ĐÌNH-TRỤ
- DIỄN quận-công 演郡公: quan võ, tham-dốc quản cơ Hữu-nội. Ngày 15/10 rước các sứ từ Công-quan đến bến Đông-tân (20)
- ĐẶNG...郡: một nhân-viên sứ-bộ, ngày 8/11 đệ công-văn cho quan ta (51)
- ĐẶNG thái-giám 郡太監: một nội-sai cao-cấp ở phủ Chúa. Ngày 14/10 điều-dinh thể-lệ sách-phong (16) và ngày 15/10 đón các sứ trên dương từ bến đò Mộc đến Hoang-thanh (23)
- ĐINH VAN-TÀI 丁文友: một đại-thần võ-ban, người làng Hàm-thượng huyện Cẩm-giang (Hải-dương). Có công đánh quân Nguyễn năm 1658 và đánh Mạc năm 1668, giữ chức tá đô-dốc, hàm thiếu-phó. Ngày 15/10 đốc quân rước các sứ từ bến đò Điện (20)
- ĐỒNG TỒN-TRẠCH 同存濟: (1617-1692) quán làng Triều-dương huyện Chí-linh (Hải-dương) 30 tuổi đậu tiến-sĩ (1646). Năm 1683 thăng chức thượng-thư bộ Hộ, vào tham-tụng, tước Nghĩa-Trạch hầu. Xin vua Lê bệch nghi-chủ lễ sách-phong (17). Năm 1691, 75 tuổi trí-sĩ. Năm sau mất.
- GIAO-NGHĨA hầu 膠莢侯: một nội-sai cao-cấp của Chúa, giữ chức Lễ-giám thái-giám, phó tri Binh-phiên-ti. Ngày 20/10 rước phai-bộ của các sứ đem lễ biểu tiến vua và chúa (36)
- Hà quận-công 河郡公: một võ-quan chức tham-dốc, quản cơ Hậu-khuông. Ngày 16/10 tiễn sứ-bộ dụ-tể từ Điện về Công-quan (32) Ngày 20/10 rước phai-đoạn tiễn lễ từ bờ sông đến Nội-diện (36) Ngày 22/10 rước phai-đoạn tể Trịnh Tạc từ bờ sông đến phủ Chúa (40)
- HẢI-SƠN nam 海山男: tước của Nguyễn Danh-Thật

*Những con số này tương ứng với số trang (82 trang) trong bài của tác giả đăng trong Tạp san số 3 và 4, (tính từ 1 tới 82)

- HÁN-HIÊN 汉軒: hiệu của TỔNG NHO
- HÀNH-NHAM 衡若: hiệu của NGUYỄN CÔNG-NHO
- HOÀNG quận-công 弘郡公: tước của Trần LUONG-QUI
- HOÀNG CÔNG-TRÍ 黃公真: 1641-1719. Người quán làng Thổ-hoàng, huyện Thiên-thi (Nam-dịnh) Năm 30 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683 đang làm tham-chính xứ Hưng-hóa. Ngày 9/10 đón các sứ đến Gia-quất. Ngày 10/10 dự điều-dinh thể lễ lễ sách-phong (13,14) Ngày 26/10 dự tiễn các sứ lên đường về từ Công-quan (46)
- HOÀNG XUÂN-THÌ 黃春時: 1636-? quán làng Trảng-cát huyện Nam-dương (Nghệ-an) Năm 55 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1680. Năm 1683, có lẽ đang làm cấp-sự-trung, dự nghênh-tiếp phái-bộ tế Trịnh Tạc từ sông đến Tự-miếu (40) Sau làm đến tham-chính.
- HỘ quận-công 護郡公: quan võ chức đô-dốc thêm-tri quản cơ, Tiên-thăng. Ngày 20/10 đón phái-bộ tiến lễ (36) và ngày 22/10, đón phái-bộ tế Trịnh Tạc (40), rước từ Công-quan đến dò Ái-mộ.
- HUONG-GIANG nam 香江男: tước của NGUYỄN QUÁN-NHO.
- KHÁNH-DIÊN tử 度衍子: một nội-sai chức phó câu-kê. Ngày 15/10 đón lòng-dinh sách-phong tại Công-quan (20). Ngày 22/10 đón phái-bộ tế Trịnh Tạc (40)
- KHUONG-VŨ hầu 姜武侯: quan võ chức đề-dốc, cại đội Thị-tiếp. Ngày 15/10 đón sứ sách-phong từ Công-quan (20)
- LAI-SON nam 萊山男: tước của LÊ HI.
- LÊ DUY-CHÂN 黎維禎: vua hủi Hiệp (1675-1705 ở ngôi) miếu-hiệu Hỉ-tông, đặt hai niên-hiệu: Vĩnh-trị (1676-1679) và Chính-hoa (1680-1715) Ngày 15/10 nhận sách-phong (23). Ngày 16/10 dự lễ dự-tế hai vua anh: Gia-tông và Huyền-tông (24)
- LE DUY-ĐỈNH 黎維禎: vua hủi Khoái (1671-1675 ở ngôi) miếu-hiệu Gia-tông, đặt hai niên-hiệu: Dương-dức (1672-1674) và Đức-nguyên (1674-1675) Được dự-tế ngày 16/10 (29)
- LE DUY-HI 黎維禧: vua hủi Vũ (1662-1671 ở ngôi) miếu-hiệu Huyền-tông, đặt một niên-hiệu Cảnh-trị từ 1663. Được dự-tế ngày 16/10 (29)
- LÊ HI 黎禧: 1646-1702. Quán làng Thạch-kê huyện Đông-sơn (Thanh-hoa), 19 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1664. Năm 1683 dự bồi-tụng, chức hữu-thị-lang bộ Công, tước Lai-sơn nam. Ngày 9/10 đón tiếp các sứ ở Gia-quất (13). Ngày 18/10 xin sứ tế Trịnh Tạc (34). Ngày 24/10 tiễn các sứ ở Công-quan (46). Ngày 26/10 đem lễ biếu các sứ tới Công-quan (46). Sau đó lần-lượt thăng tả-thị-lang bộ Lại (1698), thượng-thư bộ Hình và dự tham-tụng (1694), phụ-trách biên bộ sử Quốc-sử Tục biên thật lục (1697), rồi thượng-thư bộ Binh

- (1698), tước Lai-sơn bá. Mất năm 1702 (Đăng khoa lục làm chép thọ hơn 80 tuổi. Như Ba-Sĩ chép thọ 82)
- LÊ HÙNG-XÚNG 黎雄稱: quán làng Bất-cãng, huyện Lôi-dương (Thanh hoa) Sinh năm 1645. Năm 26 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683, giữ chức cấp-sự-trung khoa Binh. Ngày 7/10 don các sứ ở trạm Thọ-xương (13). Ngày 22/10 rước phái-bộ tế chùa Trịnh Tạc từ cửa Nanh và cung dự tiệc yến (40)
- LÊ HỮU-DANH 黎有名: sinh năm 1642 tại làng Liêu-xá, huyện Dương-hao (Hải-dương). Năm 29 tuổi đậu hoàng-giáp khoa 1670. Năm 1683, giữ chức giam-sát ngự-sứ. Ngày 15/10 coi việc lễ-nghỉ trong lễ sách-phong (24). Sau lam đến chức hiến-sát-sứ.
- LÊ PHƯƠNG-MINH 黎方明: người Thanh, một thông-sự của sứ-bộ, bị mất trộm ở trạm Lã-côi tối ngày 26/10 (48)
- LÊ SĨ-CẢN 黎士儻: con LÊ SĨ-TRIỆT, sinh năm 1643. Năm 38 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1680. Năm 1683 lam giam-sát ngự-sứ Hải-dương. Ngày 15/10 dự coi nghỉ-lễ trong lễ sách-phong (24) Ngày 20/10 dợt ở Nội-phủ chùa phái-đoan của các sứ tới tiến lễ (36). Ngày 22/10 đáp lễ phái-bộ tế Trịnh Tạc (40) Sau lam đến chức Tham-chính, ham Tự-khanh, tước Nam.
- LÊ SĨ-TRIỆT 黎士澈: 1612-? Quán làng Cổ-dôi huyện Nông-cống. Năm 29 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1640. Năm 1660 tham-dự đánh lui quân chúa Nguyễn ở Nghệ-an. Được thăng chức đô-dai ngự-sứ, tước Quê-hải hầu (1664), sau đó bị biếm xuống thị-lang bộ Hình, rồi bộ Binh. Năm 1672 lam đốc-thị Nghệ-an, rồi lại thăng giang nhiều lần: thị-lang bộ Binh xuống hiến-sát Lạng-sơn (1673); thị-lang bộ Công xuống hiến-sát Thái-nguyên. Năm 1683 (72 tuổi) dự chức tự-khanh, được cử nhận ấn ANNAM QUỐC VƯƠNG trong ngày lễ sách-phong 15/10 (24). Cuối cùng lam hữu thị-lang bộ Hình.
- LÊ THÌ-THẬT 黎時察: con Lê Thì-Hiến trấn-thủ Nghệ-an Bồ-chánh. Năm 1670 được giao ham tham-đốc, tước Trịnh-tượng hầu. Năm 1683 dự việc tru-bị don các sứ-bộ. Sau vì vào đảng chống Trịnh Cương nên bị giết (1704) Lược-biên chép tên 察 (Kính?)
- LÍ TIỀN-CẢN 李進根: người Thanh, năm 1669 tới ép vua Lê phải để Mạc giữ Cao-băng (81)
- LÍ VĂN-XÁN 李文燦: người Thanh, ngày 22/10 được sai đi tế chùa Trịnh Tạc (38)
- LIÊM quận-công 廉郡公: em Trịnh Căn, tên Kiên 楨 được phong thái-tế năm 1683. Ngày 22/10 đạo cao-văn tế Trịnh Tạc (39). Năm 1686, bị khép tội phản chống Trịnh Căn và bị giết.
- LỘC quận-công 祿郡公: tước của ĐINH VĂN-TẢ.
- LƯ ANH-NHÂN 盧英仁: người Thanh, cháu ngoại phó-sứ CHU XÁN, có thơ Giao hạnh thập tuyệt (27) và thơ viết trên quạt tặng

- phò-mã Trịnh quận-công và Nguyễn Công-Nho (57)
- LUONG-CHÍNH 良政: hiệu của NGUYỄN TRẠC-DỤNG.
- MẠC NGUYỄN-THANH 莫元清: tức là Mạc Kính-Vũ 敬宇, vua cuối họ Mạc ở Cao-băng. Nổi cha năm 1638. Năm 1662 bị quân Trịnh đánh bại, chạy sang đất Minh. Năm 1669 vua Thanh ép vua Lê trả Cao-băng lại cho Mạc. Năm 1677 lại bị quân Trịnh đánh đuổi chạy sang đất Thanh rồi mất (7)
- MẠC KÍNH-LIÊU 莫敬僚: dòng họ Mạc chạy cùng Kính-Vũ (8)
- MẠC KÍNH-NHẬM 莫敬任: cũng như Kính-Liêu
- MINH ĐỒ 明圖: người Thanh, phó-sứ dụ-tế (10,23,24,36,45,46,50,51,53)
- NIÊM-LỘC hầu 粘祿侯: một nội-sai phủ chúa. Ngày 20/10 đem cỗ yến đến Công-quan đãi các sứ (37)
- NINH-XÁ hầu 寧舍侯: tước của VI ĐỨC-THẮNG
- NGHIỆM-AN hầu 饑安侯: quan võ, chức tham-dốc, quản cơ Thị-nội hậu. Ngày 15/10 rước long-dinh sách-phong đến Nội-diện (20)
- NGÔ LIÊN 吳聯: người Thanh, làm tham-tướng dinh Tân-thái. Năm 1688, khi tiếp sứ-bộ ta gồm Nguyễn Tiên-Tai và Trần Thế-Vinh, có trao hai bài thơ có giọng khiêu-khích.
- NGUYỄN CÔNG-NHO 阮公仗: 1647-?. Nguyên tên Danh-Nho, quán làng Vĩnh-câu, huyện Đông-ngạn. Năm 24 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683, đang làm cấp-sự-trung khoa Bình. Dự phải bộ đi theo các sứ khi tới và khi về. Có làm thơ tặng đáp phó-sứ Chu Xan và châu y là Lư Anh-Nhân. Chắc là tác-gia tập Lược biên vụ sứ này (13,33,48,51,56,57) Sau đây là một thẻ khắc dịch bài thơ Lư Anh-Nhân đã tặng y:
- Dùng ngựa Tra-son dạo bước chơi
 Gặp ông tai-bộ khác hơn người
 Dương-xuân tuyết trắng phun phun rụng
 Lãng-uyên hoa quỳnh canh canh rơi
 Động dạo ven trời mà mấy tấc
 Kì duyên một buổi bằng muôn đời
 Chỉ hiềm tháng-thốt không qua tặng
 Này quạt hoa Mai trên ngọn đồi.
- NGUYỄN CÔNG-THƯỚC 阮公燾: 1668-? Quán làng Thượng-yên-quết, huyện Từ-liêm (Sơn-tây). Năm 23 tuổi đậu Hoang-giap khoa 1680. Năm 1683, đang làm cấp-sự-trung khoa Hình. Ngày 9/10 đón chào các sứ ở trạm La-côi (13). Ngày 20/10 đón phái-đoàn biểu lễ từ bờ sông đến cung vua (36). Ngày 22/10, đón rước sai-nhân tế Trịnh Tạc từ bờ sông đến phủ Chua (40) Sau được phụ-trách việc sứ, chết trên đường.
- NGUYỄN CÔNG-VỌNG 阮公望: 1644-1693 ông chú Công-Thước (xem) đậu tiến-sĩ năm 30 tuổi khoa 1673. Rồi đậu khoa Đông-các (1676). Sung chức ngự-sứ. Năm 1683, đang làm thị-

lạng bộ Binh, tước Vĩnh-ngạn nam, dự bồi-tụng. Ngày 9/10 đơn chao các sự tội Gia-quật (13). Những ngày 10, 11, 12/10 dự điều-dinh với sự để làm lễ sách-phong theo lễ nước ta (14, 15). Bao ngay sách-phong định vào 15/10 (16). Ngày 18/10 xin sự tế Trịnh Tạc (34). Ngày 20/10 bao ngay tế ấy là ngày 22 (35). Ngày 21/10 biện-bạc về việc đòi trả ấn cũ (37). Ngày 26/10 đem lễ quỹ-tần nộp ở Công-quan (46, 48) Sau được thăng chức đô-ngự-sứ (1691) rồi mất năm 1693, thọ 48 tuổi; Nổi tiếng đương thời là nghị-luận rõ-rang không kiêng-dè.

NGUYỄN DANH-NHO 阮名攸: 1638-1700, quán xã Nghĩa-phú, huyện Cẩm-giang (Hải-dương). Năm 33 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1660. Năm 1683 đang làm phụ-đoan phủ Phụng-thiên tại Thăng-long. Ngày 9/10 đơn chao sự ở trạm Lã-côi (13). Năm 1690 sung chanh-sứ đi Thanh tuế-cống. Làm đến chức hữu thị-lang bộ Lại, dự bồi-tụng. Mất năm 1699. Có tiếng làm thơ chong va hay.

NGUYỄN DANH-THỰC 阮名實: 1631-1693, quán làng Đại-bái, huyện Gia-dịnh (Gia-bình, Hải-dương). Năm 29 tuổi đậu tham-hoa khoa 1659. Sau khi dự những vụ đánh Mạc ở Cao-bằng (1667) rồi đánh Nguyễn ở Nhật-lệ, được thăng đô-dại ngự-sứ, tước Hải-sơn nam (1683). Ngày 14/10, tiếp-xuc với sự-bộ sách-phong để yêu-cầu theo lệ nước ta. Ngày 15/10 dựng đầu văn quan đơn rước sắc phong từ bờ sông đến Chanh-diện (20, 21, 23). Sau đó thăng thượng-thư bộ Binh (1691) rồi mất (1693) Được tặng thượng-thư bộ Lại, tước Hải quận-công.

NGUYỄN ĐĂNG-LONG 阮登龍: 1645-? Nguyên-quán ở xã Yên-việt, huyện Siêu-loại (Kinh-bắc), sinh tại phường Công-bộ ở Thăng-long. Năm 32 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1676. Rồi đậu khoa Đông-các. Năm 1683 đang làm Quốc-tử-giam tự-nghiệp. Ngày 9/10 đơn chao các sự ở trạm Lã-côi (12). Ngày 23/10 tiếp đại yển các sự ở Công-quan (42). Làm đến chức tham-chính. Trí-sĩ, thọ hơn 80 tuổi.

NGUYỄN ĐĂNG-TUÂN 阮登遵: 1649-? Quán làng Hoài-bảo, huyện Tiên-du (Kinh-bắc). Năm 25 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1673. Năm 1683 đang làm cấp-sự-trung khoa Lại. Ngày 7/10 đơn chao các sự ở trạm Thọ-xương (13). Ngày 22/10 đơn rước phai-đoan tế Trịnh Tạc từ Cửa Nanh tới miếu thờ và sau lễ dự tiệc yến (40)

NGUYỄN ĐÌNH-CƠN 阮廷深: 1652-? Quán làng Bích-triều, huyện Thanh-chương (Nghệ-an). Năm 25 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1676 Rồi đậu khoa Đông-các năm ấy. Năm 1683, đang làm thêm-độ ngự-sứ. Ngày 9/10 dự ban tiếp các sự ở Công-quan (13) Sách Kỉ-sự chép làm ra họ Trần. Ngày 26/10 đưa lễ quỹ-tần đến Công-quan vào theo đến trạm Lã-côi (46). Năm 1685 làm chanh-sứ đi Thanh tuế-cống, bị chết trên đường.

NGUYỄN ĐÌNH-TRẠCH 阮廷澤: 1622-? Quán làng Hồng-mao huyện Quế-dương. Năm 49 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683 đang

- giám-sát ngự-sử. Ngày 15/10 dự ban coi việc nghi-lễ trong lễ sách-phong (24). Sau làm đến chức tư-huấn.
- NGUYỄN ĐÌNH-TRỤ 阮廷柱: 1627-1703. Quán làng Nguyệt-áng huyện Thanh-trì (Hà-nội ngày nay). Năm 49 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1656. Có hiệu Di-hiến. Năm 1683 đang làm cấp-sự-trung khoa Lại, dự ban đón và đưa các sứ-bộ trên đường tới và về. Qua Nam-quan đón sứ ngày 28/9 (9). Khi về Chu Xán có thơ tư-biệt (56) và có thơ đáp. Năm 1694, làm chức hạn-lâm hiệu-thảo, tư chức về dạy học. Nhiều học-trò thành tài.
- NGUYỄN QUANG-THÀNH 阮光成: 1657-? Quán làng Thạch-các huyện Sơn-vi, Năm 24 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1680. Năm 1683 đang làm giám-sát ngự-sử. Ngày 15/10 dự ban coi việc nghi-lễ trong lễ sách-phong (24). Sau làm đến chức thiêm-dô ngự-sử.
- NGUYỄN QUANG-THỌ 阮光琦 cũng đọc Đào. Quán làng Quảng-bá huyện Quảng-đức (Hà-nội ngày nay) Năm 35 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1680. Năm 1683 đang làm giám-sát ngự-sử, dự ban coi việc nghi-lễ trong ngày lễ sách-phong 15/10 (24) Sau làm đến chức hiến-sat.
- NGUYỄN thái-giám 阮太監: không rõ tên. Ngày 14/10 dự điều-dinh về nghi-lễ sách-phong (16)
- NGUYỄN TIẾN-TÀI 阮進才: 1642-? Quán làng Nhân-vực huyện Thanh-chương (Nghệ-an) Năm 23 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1664. Năm 1683 đang giữ chức tự-khanh, phụ-trách nhận tờ ngự-thư bốn chữ TRUNG HIẾU THỦ BANG trong lễ sách-phong ngày 15/10 (24). Năm 1685 sung phó-sứ đi Thanh tuế-cống. Sau qua chức đô-dai ngự-sử rồi hữu-thị-lang bộ Lễ, tước Nam.
- NGUYỄN TRẠC-DỤNG 阮禮用: 1626-? Quán phường Yên-thái phủ Quảng-đức (Hà-nội ngày nay), nguyên-quan lang Đặng-xa phủ Hoài-an (xứ Sơn-nam) Năm 45 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683 đang làm cấp-sự-trung khoa Lễ. Ngày 7/10 dự đón chào các sứ tới trạm Thọ-xương (13). Ngày 15/10 trong lễ sách-phong, phụ-trách mở tờ phong-cao (24). Ngày 17/10 được cử cầm phai-bộ tiễn các sứ (33). Từ ngày 26/10 cùng lên biên-giới với các sứ (45,48). Ngày 8/11 gửi tờ trình bằng nôm từ Lạng-son (51). Cuối cùng làm đến quang-lộc tự-khanh.
- NGUYỄN VIỆT-ĐANG 阮日當: 1616-sau 1696. Nguyên tên Văn-Phú 文富. Quan lang Bồ-sáo huyện Bạch-hạc (Sơn-tây). Năm 46 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1661. Năm 1682, đang làm tham-chính tại Thanh-hoa. Vì dám chỉ-trích thượng-thư bộ Lễ Nguyễn Mậu-Tai, cho nên được thăng thị-lang bộ Bình và dự bồi-tụng. Năm 1683 thăng tá thị-lang bộ Lại. Ngày 16/10 phụ-trách tiếp các sứ dự yến ở Lễ-bộ-đường sau khi làm lễ tứ-tất (32). Năm 1686 hơn 70 tuổi, về trí-sĩ.
- NGUYỄN VIỆT-KHANG 阮日康: theo Lược-biên, năm 1683 đang làm tá thị-lang bộ Hình, tước Hải-son nam (như tước của NG. Danh-Thật) Ngày 15/10 phụ-trách đọc tờ chiếu sách-phong (24). Các sách sử và Đặng-khoa lục không chép tên ấy. Tôi nghĩ đó là Nguyễn Việt-Thư 日康 tước Mai-son nam 梅山男 làm

vì tự-dạng gần nhau giữa Khang, Thứ^{康庶} và giữa Hải, Mai^{海梅}. Nguyễn Việt-Thứ (1644-1692) quán lang, Sơn-dộng, huyện Đan-phượng (Sơn-tây) Năm 21 tuổi đậu hoàng-giáp khoa 1664. Năm 1675 làm thiêm-dô, ngự-sứ, xin tư chức, rồi năm sau thi đậu khoa đông-các, bèn trở lại làm quan. Đại Việt sử-kí cho hay rằng năm 1685 thăng tá-thị-lang bộ Lại tước Mai-son nam, Đăng-khoa lục lại thêm phụng-sứ, ý nói đã dự cuộc đón sứ, vì Việt-Thứ không từng đi sứ. Năm 1691 thăng thượng-thư bộ Hình, rồi năm sau mất, thọ 49 tuổi.

NHUẬN-PHỦ 潤甫: hiệu của TRẦN THỌ

NHỮ TIẾN-HIỆN 汝進賢: 1659-1716. Quán làng Hoạch-trạch huyện Dương-an (Hải-dương). Năm 22 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1680. Năm 1683 đang làm ở viện Han-lâm. Ngày sách-phong 15/10 dự ban nội-tan xướng lễ (24). Sau, giữ chức đô-ngự-sứ phó (1699-1705) rồi chạnh. Năm 1716, thăng thượng-thư bộ Hình liền mất.

Ô HẮC 烏黑: người Mãn-châu, sung chánh-sứ tứ-tuất (10, 29, 46, 50, 53) Tên theo Kí-sự, Đ.V.S.K. Tục-biên. Lược biên: 烏黑 (烏)

PHẠM CÔNG-THIỆN 范公善: 1649-? Quán làng Ngọc-triền huyện Gia-dịnh (Gia-bình Hải-dương). Năm 13 tuổi đậu hương-cống, nhưng 32 tuổi mới đậu hoàng-giáp khoa 1680. Năm 1683 đang làm cấp-sự-trung khoa Hình. Ngày 15/10 dự ban nội-tan làm việc xướng lễ trong lễ sách-phong (24). Sau làm đến chức tham-chính.

PHẠM VIỆT-TUẤN 范曰俊: 1631-? Quán làng Lạc-trường huyện Kim-bảng (Sơn-nam) Năm 40 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683 đang làm giám-sát ngự-sứ. Ngày 15/10 dự ban coi nghi-lễ trong lễ sách-phong (24). Sau bị cách chức.

QUẾ-HẢI bá 桂海伯: tước của LE SĨ-TRIỆT.

QUI-LỘC hầu 規祿侯: một nội-giám. Ngày 21/10 đem cỗ yến đến Công-quan thết sứ (38)

TÀI quận-công 才公: một thái-giám giữ chức võ tham-dốc. Ngày 15/10 trong khi dọn sứ sách-phong, biện-bác sự vua không chịu làm lễ lạy sắc phong ngoài đường (22)

TÔN TRẠC 孫卓: người Trung-quốc, sung phó-sứ sách-phong. Khi mới tới Quảng-tây bị bệnh mất (10, 51) Tục biên làm: 孫卓

TỔNG NHO 宋攸: 1638-? Quán Tiên-mộc huyện Nông-cống (Thanh-hoa) Năm 33 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Hiệu Han-hiên. Năm 1683 đang làm cấp-sự-trung khoa Hộ, dự ban dọn đưa sứ trên dương tời về. Ngày 19/9 đã liên-lạc với chức-trạch Thanh về việc tiếp rước. Ngày 28/9 ra cửa Quan đôn các sứ (9). Ngày 29/9 mời các sứ lỵ lại Lạng-son (10, 11) Lúc về Chũ Xan có thợ tặng (56). Có làm thơ họa. Sau làm đến chức tham-chính, rồi bị giang.

TUYỀN-NGHĨA hầu 送美侯: một nội-sai của chúa, chức tá thiếu-

giám. Năm 1683, ngày 21/10 tới tiếp yến các sứ ở Công-quan (38). Ngày 26/10 mang lễ quĩ-tân theo các sứ đến trạm Lã-côi (48)

THẠCH-SƠN tử 石山子: một nội sai phủ Chúa, giữ chức phó câu-kê, phiên Bình. Ngày 15/10 đến Gia-quất đón các sứ (20). Ngày 22/10 đón rước phái-đoan tế Trịnh Tạc (40)

THAO-LỘC hầu 洮祿侯: quan võ, coi thủy-binh. Ngày 15/10 phụ-trách việc đưa các sứ-bộ và các long-dinh qua sông Nhị (21)

THÂN TUYẾN 申全 nguyên 瑄: 1621-1698. Quán làng Phương-dỗ huyện Yên-dũng (Kinh-bắc). Năm 32 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1652. Năm 1673 làm tá-thị-lang bộ Lại, rồi thăng đô-ngự-sứ. Năm 1682 sung chánh-sứ đi Thanh tuế-cống. Về được dự tham-tụng. Năm 1683, ngày 10/10 xin vua tham-chước lễ sách-phong (13). Sau được thăng thượng-thư bộ Lễ, tước bá.

THIỆU quận-công 韶郡公: tước của Trịnh Thực.

THU-TRẠCH tử 書濟子: tước của VŨ DUY-HÀI.

THƯỜNG-LỘC hầu 賞祿侯: thái-giám tên Ngô Phạn-Lân 吳攀麟 theo Lịch triều Tạp kí. Một cận-thần của phủ chúa, được Trịnh Căn rất tin cậy và giao cho tất cả các việc can-trọng về tổ-chức trong vụ đón sứ năm 1683. Ngày 15/10 đón rước sứ sách-phong (20). Ngày 16/10 đón rước các sứ tư-tuất (31, 32). Ngày 20/10 đón phái-bộ tiến lễ tặng Trịnh Căn (36, 37). Ngày 22/10 đón phái-bộ tế Trịnh Tạc (40,41). Ngày 26/10 mang lễ quĩ-tân đến Công-quan và nhận lễ-vật các sứ tặng riêng Vua, Chúa và bản-thân (46). Sau đó tham-tụng Đồng Tồn-Trạch khen lạo và xin chúa thưởng cho y. Năm 1696 y ghét Nguyễn Quan-Nho gièm pha với Trịnh Căn làm Quan-Nho mất chức thượng-thư.

TRẦN LUONG-QUÍ 陳良貴: một quan võ, chức tham-dốc, tước Hoàng quận-công, quản Hậu-nội cơ. Ngày 16/10 phụ-trách đón đại sứ-bộ tư-tuất ở Lê-bộ-đương (32,33). Ngày 22/10 đón rước phái-đoan tế Trịnh Tạc (40). Dự phái-đoan đưa lễ quĩ-tân theo sứ khi về cho đến cửa Quan, và kí tờ khai băng nôm (32,47,48,51)

TRẦN THỌ 陳琦 cũng đọc Đào: 1639-sau 1695. Quán làng Điện-trì huyện Chí-linh (Hải-đương). Năm 32 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683 dự phái-đoan đi theo các sứ-bộ khi tới và khi về. Ngày 28/9 qua cửa Quan đón các sứ (9). Khi về Chu Xán cho thơ tặng biệt. Có thơ hoạ thơ Chu Xán với bút-hiệu Nhuận-phủ. Năm 1690 sung pho-sứ đi Thanh tuế-cống. Năm 1693, thăng pho-dô ngự-sứ, nhưng năm 1695 bị truất.

TRỊNH MINH-LUONG 郑明良: 1644-? Quán làng Chân-bái huyện Yên-dĩnh. Năm 37 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1680. Năm 1683 đang làm giam-sat ngự-sứ, dự ban coi nghi-lễ trong ngày lễ sách-phong 15/10 (24). Sau làm đến chức hiến-sat.

TRINH quận-công: 楨郡公 một phò-mã. Lu Anh-Nhận có thơ tặng (57) Trong những sai-nhập liên-quan đến vụ sự, có tham-độc Lê Thi-Thật, con Lê Thi-Hiến, năm 1670 có tước Trinh-tương hầu. Có thể y là một phò-mã và năm 1683 có tước Trinh quận-công, tuy rằng sau đó Đại-Việt sử-kí vẫn chép tước hầu khi y bị khép tội (1704)

TRINH CÔNG-THUYỀN 邦公佐: một quan võ dự ban sửa-soạn đón sứ cung Lê Thi-Thật, Tống Nho và Vũ Duy-Khuông (19/9)

TRINH THỰC 邦植: một quan võ, chức đô-đốc Đông-quân, tước Thiệu quận-công. Năm 1683, ngày 9/10 cầm đầu phái-đoan đón chạo các sứ tới Gia-quất (13). Lúc các sứ về, cầm đầu phái-đoạn đưa lễ gửi-tân theo các sứ đến cửa Quan và kí tờ khai bằng nôm từ Lạng-son gửi về Chua (33,47,48,51)

UÔNG NHUỆ 汪銳: 1624-1699. Quán làng Kim-lan huyện Cẩm-giang (Hải-dương). Năm 29 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1652. Năm 1683 đang làm đại-lí tự-khanh, tước Cẩm-phái nam. Ngày 7/10 cầm đầu phái-đoan đón chạo các sứ đến trạm Thọ-xương (12, 13). Ngày 15/10 phụ-trách nhận chiếu-thư trong lễ sách-phong (24). Ngày 23/10 đưa cỗ tới Công-quan đãi các sứ (42). Sau làm đến hữu thị-lang bộ Công, rồi trí-sĩ.

VI ĐỨC-THẮNG 韋德勝: quan võ, một phiên-mục quán châu Lộc-bình coi trấn Lạng-son, tước Ninh-xa hầu, chức tham-độc. Ngày 19/9 bạo chọ Quảng-tây biết đã dự-bị đủ để đón sứ. Ngày 1/10 mời các sứ lưu lại Lạng-son một ngày (11). Ngày 6/11 bị lũ thừa-sai của sứ cướp của (51). Năm 1689 bị lỗi trong chuyện cãi nhau với quan Thanh về đất Na-oa.

VĨNH-NGẠN 永岸男: tước của Nguyễn Công-Vọng.

VŨ DUY-HÀI 武惟諧: 1629-? Nguyên tên Bật-Hải 弼諧, quán làng Mộ Trạch huyện Đường-an (Hải-dương). Năm 31 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1659. Năm 1673, sung phò-sứ đi Thanh tuế-cống. Khi về, năm 1675, được thăng chức đông-các rồi hữu thị-lang bộ Binh, rồi đô-ngự-sứ. Năm 1683, đang làm tả thị-lang bộ Lại, dự bồi-tụng, tước Thư-trạch tử. Ngày 14/10 diệp-dinh việc vua không lạy long-dinh giữa đường (16). Ngày 15/10 đón các sứ và rước từ bờ sông vào điện. Trong khi lễ, coi việc diển-nghị (24). Ngày 17/10 tới Công-quan tạ ơn các sứ (33) Ngày 16/10 cùng Nguyễn Danh-Thật mang thư của vua trình các sứ xin giữ ấn cụ. Sau đó về trí-sĩ, được tặng ham thượng-thư bộ Lễ.

VŨ DUY-KHUÔNG 武惟匡: 1644-? Quán làng Mộ-hà huyện Đường-an. Năm 27 tuổi đậu tiến-sĩ khoa 1670. Năm 1683 đang làm cấp-sự-trung khoa Lễ, dự ban ban tổng với Tống Nho, Trần Thọ, Nguyễn Đình-Trụ, đi theo các sứ trong lúc đi tới và về. Ngày 19/9 gửi khai nói dự-bị phu, ngựa đã đủ. Ngày 28/9 qua cửa Quan đón các sứ (9). Khi về Chu Xan có thơ tiễn biệt. Có thơ hoạ. Bút-hiệu là Bạch-am (56)

VŨ ĐÌNH-THIỆU 武廷韶: 1658-? Quán làng Mộ-trạch huyện Đường-an

Năm 23, tuổi dậu tiếp-sĩ khoa 1680. Năm 1683, đang làm
 giam-sat ngự-sứ. Ngày 15/10 dự ban coi nghi-lễ lễ sách-
 phong (24).

VUONG LAI-TÂN 王來賓; người Thanh, coi đạo Tả-giang và phụ-
 trách đưa đón các sứ ở biên-giới (9)

BẢNG CHỈ ĐỊA ĐIỂM

ÁI MỌ 愛慕 bến 21,31,36	AN-CHÂU 安州 đất 11,27
AN-TỬ 安子 núi 42	AN-THƯỜNG 安常 làng 48
BẢO-LOC 保祿 huyện 12	BẢNG-TUÔNG 榜樣 thanh 9,50
CÁC-MÔN 閣門 cửa 36,39	CAM-CÁCH 甘格 đất 12
CÀN-MÔN 乾門 đất 57	CAM-CHỈ 錦紙 đất 19
CÀN-CHÍNH 乾政 điện 25	CẦN-DINH 芹營 trạm 12,48
CẦU-LẬU 岫嶺 núi 42	CẦU-GIANG 欸江 sông 13,42
KINH-BẮC 京北 trấn 33	KÍNH-THIÊN 敬天 điện 18,19,22,30,35
CÔNG-QUÁN 公館 trạm 13,24,29,30	31,32,36,40,42
CUNG-TRƯỜNG 弓場 bãi 21	CHI-LÀNG 支陵 ai 12,49
CHÍNH-ĐIỆN 正殿 điện 25,28,30	CHÍNH-CUNG 正宮 điện 18
CHÍNH-BẢ MÔN 正把門 cửa 20	CHIÊU-ĐỨC 昭德 đại 9
CHU-TUỐC 朱雀 cửa 24,28	CHÙA MỘC 厨木 chùa, bến 19,20,31
DINH JÂN 營芹 trạm 48	ĐẠI-HUNG 大興 cửa 19,20,30,31,32
ĐOAN-MÔN 端門 cửa 19,24,30,35	ĐÔNG-TÂN 东津 bến 20
ĐÔNG-ĐĂNG 同登 trạm 10,51	ĐÔNG-TRANG-AN 东庄安 cửa 21,22,31
GIA-LÂM 嘉林 huyện 13	GIA-QUẠT 嘉橘 trạm 13,20,36
HẠ-LĨNH 夏嶺 núi 42	HÀNG VẢI 行纒 đường phố 19
HẬU-HÀNH LANG 後行廊 nhà 20	KHÔ-NHÂN 枯仁 trạm 12
LÃ-CÔI 呂瑰 trạm 13,48	LÀNG-SƠN 諒山 thanh 11,33,47,49,51
LỄ-BỘ ĐƯỜNG 礼部堂, nhà 25,32	LƯU-THỦ DINH 留守營 nhà 16,17,18
LONG-CHÂU 兗州 thanh 9	MÃ PHỤC-BA 馬伏波 miếu 11
MẠC-PHỦ 幕府 nhà 10	MỘC-TÂN 木津 bến 21,36
NAM-QUAN 南關 cửa 47	NAM-MÔN 南門 cửa 18,25,33
NAM-LĂNG 南陵 ai, cửa 9	NANH-MÔN 猓門 cửa 36,39,40,41
NỘI-ĐÌNH 內庭 sân 35	NỘI-ĐIỆN 內殿 20,35,36,46
NỘI-PHỦ 內府 nhà, điện 20,36	NGOẠI-PHỦ 外府 nhà, điện 20
NGỰ-LẦU 御樓 nhà, lầu 20	NHÂN-LÍ 仁理 trạm 11,49
NHUNG-TÁ 仍左 nhà 20	NHUNG-HỮU 仍右 nhà 20
ÔN-CHAU 温州 đất 48	PHA-LŨY 坡壘 trạm 50
PHẬT-TÍCH 伏跡 núi 42	PHỦ-LƯƠNG 富良 sông, bến 23,42
PHỦ-ĐUƠNG TRUNG 府堂中 nhà 20,36	PHỦ-ĐUƠNG NGOẠI 府堂外 nhà 20,36,39
QUỖI-MÔN 鬼門 ai 11,27,49	QUAN 關 Nam-quan 47,50
TẢ-LÍ 佐理 dinh 19	TẢ-GIANG 左江 đất 9,50,54
TẢ-BẢ MÔN 左把門 cửa 20	TAM-GIANG 三江 sông 42
TAM-MÔN 三門 cửa 18,19,20,21, 22,24,30,31,32,35,36	TAM-PHONG 三峯 núi 42
TÂN-THAI 新泰 đất 9	TÂN-VIÊN 傘園 núi 42
TIẾP-THỤ (THO) 接授 22,31(寿)	TIÊN-LỆ 先農 trạm 12,48
TU-MINH 思明 đất 9,33,47,54	TUYÊN-GIANG 宣江 sông 42
	TU-SƠN 慈山 phủ, đất 13

TỰ-MIẾU 祠廟 nhà thờ 18,39,40	TỬ-CÁC 紫閣 lâu 20,36
THÁI-BÌNH 太平 phủ (Q.Tây) 50	THÁI-MIẾU 太廟 nhà thờ 18
THANH ĐOAN 城圍 Lạng-sơn 12,51	THỊ-KIỆU 侍轿 nhà 20
THỊ-KIỆU 市桥 trạm, sông 13	THỊ-CẦU 市林 trạm, sông 48
THỊ-TRIỀU 視朝 điện 19,30,31, 35,36	THỌ-XƯƠNG 壽昌 trạm 12,48
TRÀ-SƠN 茶山 đất 12,27,57	THƯƠNG-GIANG 滄江 sông 13,42
TRIỆU-NGUYỄN 朝元 điện 19,30, 31,35	TRAI-ĐƯƠNG 齋堂 nhà 20
VẤN-UYÊN 文淵 châu 9,47	TRỰC-ĐIỂM 直店 nhà 36
XẠ-TRƯỜNG 射場 bãi 21,31	TRƯỜNG-KHÁNH 長慶 phủ 11
	VƯƠNG-PHỦ 王府 nhà 20
	XUYỀN-ĐƯƠNG 穿堂 nhà 20,40

Thuyết-minh về bản-dồ Thăng-long và cung điện đời Lê:

Các đồ ấy là phác họa dựa vào bức đồ Thăng-long trong sách Hồng-dức bản-dồ (Thư-viện Khoa-học trung-ương Hà-nội), Sách ấy thực ra về Thăng-long đời Lê-Trịnh (sau 1600). Trong bản-dồ ấy có ghi cửa Nam, cửa Đông và Tây-tràng-an, cửa Đoan-môn. Trước Đoan-môn có vẽ một cửa không đề tên, nhưng chắc là Tam-môn. Sau Đoan-môn, vẽ ba lớp điện: lớp đầu không đề tên, lớp thứ hai có tên Thị-triều, lớp thứ ba có tên Kính-thiên. Trong Lược-biên còn có ba tên điện khác nữa: Triều-nguyên, Càn-chánh và Tiệp-thọ. Theo hành-trình sư đi thì biết rằng điện Tiệp-thọ ở ngoài và gần cửa Tam-môn. Sách Đại Việt quốc thư chép vụ sứ Thanh tới năm 1790 chép rõ tên Tiệp-thọ và chú rằng điện ở trước mặt cửa Tam-môn. Về điện Càn-chánh, sách ấy có chú rằng điện này ở phía trước điện Kính-thiên. Vậy trong bản-dồ Hồng-dức, cái điện ở giữa Đoan-môn và Thị-triều có thể là điện Càn-chánh chăng? Nếu đúng vậy thì trong đồ ấy, điện Triều-nguyên ở đâu? Và tại sao trong hai ngày đại-lễ, không có binh và quan ở Càn-chánh? Trái lại ở sân điện Triều-nguyên lại có lính bay và các quan lạy. Theo lẽ ấy thì điện ở trước Thị-triều đang là điện Triều-nguyên, như tôi đã vẽ ở trên, tuy còn có sự này làm tôi vẫn hồ-nghì. Nguyên là sách Lược biên ba lần ghi sự bay quân trong Hoang-thanh, thì ba lần kê các địa-diểm theo thứ-tự: Kính-thiên, Thị-triều, Đoan-môn, Triều-nguyên, Tam-môn, Đại-hung. Nếu đó là vị-trí tư trọng ra ngoài, thì điện Càn-chánh ở giữa hai cửa Tam-môn và Đoan-môn. Nhưng nếu quả như vậy thì sao bản-dồ Hồng-dức không vẽ gì giữa hai cửa. Và chẳng trong bản đồ ấy sau cửa Đoan-môn, không những có một điện chính không tên, mà hai bên hình như còn có hai nhà (hoặc cửa) nhỏ hơn. Vì những lẽ ấy, tôi đã tạm để điện Triều-nguyên ở giữa, sau Đoan-môn và đặt điện Càn-chánh bên cạnh, phía sau cửa Chu-tước. Cửa Chu-tước thì là cửa thương ra vào Nội-thanh; tất-nhiên nó ở phía đông cửa Đoan-môn như cửa Đại-hung, và cũng là ở phía tả. Theo hành-trình các sứ từ điện Kính-thiên đi ra phía tả tới điện Càn-chánh, rồi đến cửa Chu-tước, thì sự ước-đoan như trên có lẽ đúng.

Bến Chùa Mọc ở chỗ nào? Sách Đại-nam Nhất thống chí có chép tên ấy trong các bến sông Nhị, nhưng không xác-dịnh chỗ nao. Nhưng chắc đó là bến dò ngang đối-ngạn với bến Ai-mộ ở đông-ngạn sông Nhị, và gần đầu phố Hang Buồm và cửa sông Tô-lich. Trên kia (chú-thích 4) đã nhắc lại rằng sứ Thanh năm 1790 qua sông đến đình Kiên-nghĩa, vào cửa Hang Mắm rồi qua Hang Buồm. Dương Ba-Cung trong sách Ha-nội địa-dự (1851) nói rõ rằng "chỗ ấy là Cầu Chạy, là nơi đời Lê tiếp sứ tới phong" Sách Trình-lục yếu lược (cuối đời Lê) chép đường từ Thăng-long đi Bắc qua Ngã-tứ Hang Buồm, cửa ô Cầu Chạy, bến đò Cầu Chạy, công-quan Gia-quất. Theo đó, ta có thể nghĩ rằng bến Chùa Mọc tức là bến Cầu Chạy. Nhưng trong sổ các đò sông Nhị trong đời Gia-long (Đại Nam nhất thống chí) có 7 đò: Chùa Mọc, Hang Khoai, Hang Mắm, Cầu Chạy, Hang Cạn, Trung-liệt, và Tây-long. Tựa vào đó thì bến Chùa Mọc khác bến Cầu Chạy, và hình như Chùa Mọc ở phía bắc cửa Hang Khoai, nghĩa là vào khoảng cửa Hang Đậu. Nhưng thử-tự các bến như vậy là sai, vì cũng sách ấy cho hay rằng cửa ô Cầu Chạy ở khoảng giữa hai cửa ô Hang Khoai và Hang Mắm, cách ô Hang Khoai hơn 123 tầm (250 mét) và cách ô Hang Mắm 50 tầm (102 mét). Xem vậy ô Cầu Chạy và đình Kiên-nghĩa ở ngang chung Ngõ Phát-lộc, phía nam cửa sông Tô-lich. Còn Chùa Mọc có lẽ ở bên kia cửa sông ấy cũng gần Cầu Chạy mà thôi.

Bài khai bằng nôm từ cột thứ hai bên phải

意思号滿州待甚輕薄吏隣典事使辭輟朝廷諭賄貢物
 輟講丑車香擅驥丑縷疎遺駁还仍悖恚皇帝啞嗜浩南
 文猷恭順之國拯固恚輕泊矣暫收袒仕朱号探祐為丕
 沛姜官意昂滿州朝廷耳目闊祐厚泊恚浩南体前極疑
 怪薄詭恚實挫功思官意萬里長程多火風霜勞若苦人
 死馬死吏杖副使祗孫箕祗周時歇翠号祗即時歇号号
 貝匪取祗明歇号驪麻朱閉饒貼包堵之体丕眾碑响浪
 本國幾恚恭順六年兩貢拯固輕慢失礼若朋礼尼本據

啓洞祥

本日奉差郵植陳良貴阮擢用阮公儒等

謹

人將公文二角、一角交願遊就。國王、一角彼存留隨身
 駐諒山城待差官接進京始適、

德王闕下辭御旨、眾碎鼎餞朝使夢、巴旦城團、糊愛舉兜東

臥祗明嶙浪浩程於踟詭恚、皇帝差官意喂冉封特恩賜

郵各役包未、事礼照輕易、官意閒悶、麻充閉、兩泊樞梳

自時紅進款典劄吏兜、帝官意固庫閉疑、兩泊咄、易官

苗例、黜意、軫色、固分、歛、尋、吡、浪、仍、啣、休、意、朋、美、渚、甘、官、意、
浪、軫、貝、辭、輟、祗、李、鼎、再、封、祗、吳、鼎、賜、卹、仁、意、異、姜、要、效、官、
意、執、黜、也、且、吡、共、歇、每、廟、事、禮、姜、少、丕、悲、除、極、齊、段、分、官、
意、極、苦、閉、饒、貼、段、仁、極、祗、亦、退、休、丕、衆、碎、吏、奈、浪、論、所、功、
程、萬、里、別、嘔、札、吊、朱、祗、雙、離、禮、不、足、敬、有、餘、嗔、尋、任、祗、朱、
几、隨、從、丕、仍、官、意、拱、極、賄、典、時、段、舉、官、意、朱、尋、管、家、保、衆、
碎、浪、少、單、申、乞、吁、官、意、於、吏、乙、召、祗、東、朱、為、丕、衆、碎、依、如、
丕、究、東、臥、吏、駁、黜、且、段、軫、於、驛、同、登、鼎、休、東、違、光、臥、官、意、
紹、祗、先、禮、物、臥、納、分、色、後、朱、吏、遣、衆、碎、臥、碎、浪、東、牢、顛、倒、
扒、貼、苦、何、朱、榮、功、奴、庫、辱、做、收、仍、札、苦、何、禮、官、意、時、停、吏、
駁、黜、且、時、段、秋、祗、明、祗、卽、袪、塊、衆、碎、臥、共、祗、固、陳、情、浪、拱、
斯、道、吁、固、前、共、仁、官、意、祗、周、浪、仕、料、朱、東、尼、減、下、益、上、率、
意、極、軫、黜、曰、單、照、次、東、文、仕、紹、休、丕、衆、碎、擬、曰、單、申、姜、
錢、送、奉。國、王、命、計、開、魏、賦、禮、燒、蓮、禰、監、尋、茹、祗、明、異、隊、
仁、碾、泊、貝、段、丐、腕、雙、離、腕、葉、物、在、敵、因、丕、鄭、植、陳、良、曹、等、
替、舉、丐、賦、仁、丐、銅、仁、丐、劍、貝、仁、碾、泊、餘、朱、奴、買、論、收、禮、吏、

失、道、事、渚、尋、歇、段、碾、卹、泊、閉、除、買、照、單、申、收、賦、禮、朱、且、欺、
後、朱、衆、碎、吁、納、奏、本、申、文、貢、期、謝、恩、并、接、引、偽、莫、各、東、官、
意、浪、止、知、一、事、在、紹、祗、朱、吏、漆、固、官、參、將、督、備、左、江、道、恩、
明、府、舉、位、黜、卹、帝、隊、禮、費、見、每、段、位、異、鞞、碾、衆、碎、疎、浪、本、
例、極、典、固、仁、匹、各、尋、哈、段、賄、極、不、得、已、沛、納、朱、舉、碾、閉、除、
拱、固、旧、周、術、送、賦、禮、帝、旧、意、拱、固、祗、胡、意、饒、閉、役、羌、意、明、
事、甘、結、交、付、色、固、參、寧、共、等、官、符、監、各、役、完、畢、改、術、朝、
安、南、國、委、姜、負、目、吏、料、給、事、中、砥、堂、男、阮、叩、賀、十月十

- Hết bài "*Cuộc tiếp sứ Thanh năm 1683*" -